

## DU-GIÀ LUẬN KÝ

### QUYỂN 3 (Phần Cuối)

#### BẢN LUẬN QUYỂN 10

Giải thích bảy chi dẫn nhân trong phần khác nhau đã xong. từ đây trở xuống, là giải thích năm chi năng sinh (chủ thể sinh), sở sinh (đối tượng sinh):

- Thể của chi ái chỉ có tham trong các phiền não.

Ái này dù duyên chung cho quả trong, ngoài, phần nhiều các luận đều lấy “duyên” ái của cảnh ngoài. Nhân mê cảnh ngoài, ngu quả tăng thượng, “duyên” cảnh giới. Vì thọ đã phát sinh, nên chi thủ dùng chung cho tất cả phiền não để làm tự thể. (thể của bốn thủ, như trước đã nói)

Chi này chỉ lấy năng, sở thủ (chủ thể thủ, đối tượng thủ), hoàn toàn đối tượng làm phiền não tùy thuận trong thủ, không lấy pháp khác.

Quyển năm mươi chín chép: “Phải nói là tất cả phiền não trong toàn cõi đều có công năng kết sinh nối tiếp nhau. Ái đã chỉ có tham, nên thủ gồm thấu chung các phiền não. Nhưng trong đây nói “duyên” tham của bốn thủ là chi thủ, đồng với kinh Thập -Địa. Kinh ấy nói: “Ái tăng thượng gọi là Thủ”.

Thành Duy Thức nói về sức ái thấm nhuần phần vị nghiệp tăng riêng, gọi là ái. Như nước vì thường hay thấm nhuần, nên phải thường tưới tiêu, thì mới nảy mầm.

Nếu dựa vào hai ái thủ của phần vị trước, sau thì dù lấy các phiền não thuộc trong chi Thủ chẳng nữa mà ái vẫn thấm nhuần vượt hơn, nên nói là ái tăng. Văn của quyển năm mươi chín và Duy-Thức không trái nhau.

Hai chi ái, thủ có cả hiện và chủng, vì đều có công năng thấm nhuần, vì ái đối với thủ trở thành nhân duyên.

Luận sư Cảnh nói: “Tà nguyện cầu, nghĩa là cầu thân ở cõi trên lấy làm Niết-bàn để thọ cấm giới, đây gọi là tà nguyện, đối với giới khởi tham, gọi là giới cấm thủ.

Văn này chính thức phát ra tham thành bốn thủ.”

Hỏi: “Hai cõi trên có giới cấm nào, “duyên” vào đó để khởi tham?”

Giải thích “ngoại đạo cũng chấp giới cấm đối với thân, ngũ cõi sắc. Ý tứ của cõi Vô Sắc giả lập thân, ngũ, cũng chấp là giới.

“Hữu lúc trước trong chi hữu. Nghĩa là sinh ở khoảng giữa hai sát-na sinh sau, và sát-na tử trước.

Văn này đã nói ngoài “hữu” của năm đường, nói riêng về Trung hữu. Biết rõ Trung hữu không phải thuộc về đường, đồng với phái Tát-bà-đa. Dù nêu mười hữu, y cứ nói nghiệp “hữu” là “hữu” của cõi Dục. Chi là chi hành. Vì ái thủ tham nhuần, nên có thể có quả tương lai, gọi là “nghiệp hữu”. Đây, tức chỉ thể hữu (năng hữu), gọi là “hữu”, nghiệp khác đều là đối tượng hữu (sở hữu).”

Luận Thành Duy-Thức chép: “Bắt đầu từ Trung hữu, đến chưa suy yếu, thay đổi trong bản hữu, đều thuộc về chi sinh, cho nên biết Trung hữu cũng gồm thấu trong đối tượng sở hữu.”

Hỏi: “Trung hữu, sinh hữu là một nghiệp hay là nghiệp khác chiêu cảm?”

Luận sư Cảnh giải thích: “Chưa thấy có văn nào nói, văn chỉ nói rằng: “Trung hữu có thể chuyển biến”

Y theo đây thì biết do nghiệp riêng của Trung hữu đã cảm. Dù có thuyết này, mà vẫn có thể nói là do một nghiệp đã dẫn phát.

Cõi Sắc có sáu hữu, vì trừ bốn đường. Cõi Vô Sắc có năm hữu, lại vì trừ trung hữu. Nay, chi hữu nói ở đây chỉ là chi Nghiệp.

Nói phiền não của hành tác động trước kia gồm cả thọ.

Thành Duy-Thức chép: “Ái, thủ kết hợp tham nhuần, dắt dẫn hạt giống của nghiệp và nhân của đối tượng (sở dẫn) chuyển biến, gọi là “hữu”, đều có khả năng tiếp cận “Hữu”, vì quả “hữu” đời sau.”

Ý luận ấy nói: “Hành và năm thứ như thức, v.v... là ái, thủ, chuyển biến tham nhuần, gọi là thể của chi hữu chỉ có chủng tử, là vì đã tham nhuần, nên có công năng sinh quả.

Nay, ở đây nói chung mười hữu, gọi là hữu. “Năng hữu”(chủ thể có), sở hữu (đối tượng có) phối hợp gọi là “Hữu”.

Giải thích chung nghĩa “Hữu”, chẳng phải chỉ giải thích chi Hữu. Ở đây, chỉ nghiệp có một là chi Hữu.

Duy-Thức hội điều này rằng: “Có chỗ chỉ nói hạt giống nghiệp gọi là Hữu, vì hữu này có thể chính thức chiêu cảm quả Dị-thục.”

Duy-Thức kia lại hội rằng: “Lại có chỗ chỉ nói năm hạt giống gọi

là “Hữu”. Vì hạt giống của thức, v.v... trực tiếp sinh ra hạt giống trong thức ở tương lai. Bảy “hữu”kia. Nghĩa là thể của năm cõi kia có quả thọ dụng, vì trung gian của hai cõi: phương tiện, trung hữu (trong phương tiện có hai cõi trung gian?). Sáu thứ này là nghiệp đã có, là chủ thể hữu (năng hữu), vì khả năng dẫn các hữu, cho nên hợp thành bảy. Lúc trước có tử hữu, sinh hữu, tức “hữu” của năm cõi mà vì nêu riêng, nên không kiến lập.

Trong chi sinh, trước là giải thích riêng mười trường hợp sau, tóm tắt nghĩa, kết.

Bốn trường hợp đầu, nói về hai sinh thai, noãn; Một trường hợp kế, là hai sinh thấp, hóa. Đây là nêu chung một thân làm chi sinh.

Phần thân khởi ngay. Luận này quyển trước và kinh, luận khác đều nói là hóa sinh khởi ngay, các căn của ba sinh còn lại, thì hiện dần. Nay, nói thấp sinh cũng khởi ngay, thì biết các căn của hai sinh thai, noãn khởi dần; hóa sinh khởi ngay, thấp sinh có cả dần, và ngay tức khắc.

Ngay tức khắc. Nghĩa là như từ chất sữa, ẩm ướt chưa biến đổi khởi ẩm ướt sinh ra trùng, các căn đủ ngay. Năm trường hợp dưới có cả bốn sinh hữu:

Đắc của uẩn, là thể của uẩn khởi.

Đắc của giới, là hạt giống của uẩn, tánh nhân duyên của uẩn. Đắc của uẩn hiện hành thành thực, hạt giống của đắc giới thành thực.

Đắc của xứ có cả hiện, và chủng. Ba đắc còn lại, “duyên” thành thực.

Trong nghĩa lược có sáu trường hợp:

Tự tánh thuộc hai trường hợp sinh, và xuất hiện.

Phần vị xứ sinh bao gồm ba trường hợp: Sinh, thú, khởi. Đối tượng sinh (sở sinh) bao gồm một trường hợp của đắc uẩn. Thuộc về nhân duyên, gồm hai trường hợp đắc của giới, đắc của xứ.

Chịu trách nhiệm giữ gìn đối tượng dẫn, thuộc về một trường hợp sinh khởi của các uẩn.

Điều sinh (câu sinh), nương tựa, giữ gìn thuộc về một trường hợp mang căn xuất hiện.

Chi già chết có hai: Đầu tiên là giải thích già. Sau, giải thích chết.

Trong già, trước giải thích riêng mười bảy trường hợp. Sau, kết nghĩa sơ lược.

Kết, có mười trường hợp: Sáu trường hợp đầu, mỗi trường hợp

thuộc về một trường hợp, bảy thuộc về oai nghi đổi thay, hư hoại, bao gồm năm trường hợp kể.

Thứ tám là ở vô sắc, các căn thay đổi, hư hoại, thuộc hai trường hợp mười hai, mười ba.

Thứ chín là có sắc các căn thay đổi, hư hoại thuộc hai trường hợp mười bốn, mười lăm.

Thứ mười, Thời gian đã đi qua, tuổi thọ sắp hết, thuộc về hai trường hợp mười sáu, mười bảy.

Trong tử trước, giải thích riêng mười một trường hợp. Sau là kết nghĩa sơ lược có bốn trường hợp.

“Nếu chết”, thuộc về hai trường hợp đầu, vì chính là thể của tử. Nếu là pháp chết, thì thuộc trường hợp thứ ba, thứ tư.

Giải thích chi, không giải thích chi. Quy tắc lúc chết của năm đường.

Nếu chết khác nhau, thuộc về trường hợp thứ năm, thứ sáu dưới. Nếu phần vị sau chết, thì thuộc về trường hợp thứ mười một.

Nghiệp của ma chết. Pháp sư Khuy Cơ giải thích. Tức chính là tác dụng của ma chết của thể tử. Đây cũng thuộc về chết khác nhau. Hoặc chấp lấy sau khi chết, thức lìa thân rồi, gọi là ma chết, cũng gọi là thuộc về phần vị sau khi chết. Hai chi sinh tử này, tùy đối tượng thích hợp với chúng, lấy năm uẩn làm tánh, vì hiện hành khổ, nên chỉ lấy hiện hành mà “hữu”, nói chung, hoặc chung cả hạt giống.

Thành Duy Thức nói: “Bắt đầu từ Trung hữu, cho đến chưa suy yếu, thay đổi trong bản hữu trở lại, đều thuộc về chi sinh. Vì trước khi sắp chết, ái thủ, tham nhuần “hữu”, có thể có Trung hữu và sinh tương lai.

Phần vị suy đồi, thay đổi, gọi là chung là già thân hoại, mạng chung, mới gọi là chết.

Trong thứ lớp của trường hợp thứ năm, có ba lần “lại nữa”

Trong lần “lại nữa” đầu, vì tà hạnh, nên làm cho tâm điên đảo, v.v... Nghĩa “hữu”, là năm chi như thức, v.v... đều dựa vào mé sau, phần vị sinh, già, chết. Ở tương lai sẽ hiện khởi. Nói nhân năm chi, không phải dựa vào năm chi, vì ở phần vị nhân mà nói.

Thành Duy-Thức nói: “Phần vị nhân khó biết, vì tướng của chúng khác nhau, nên dựa vào phần vị của quả tương lai, để lập riêng năm chi.

Nếu theo nghĩa này thì tâm điên đảo, nghĩa là thức hiện ra tư, gọi là hành, nghiệp chúng gọi là tạng, nói là chi sắc, kết sinh nối tiếp nhau.

Vì thế Đối-Pháp cũng nói: “Thức do danh sắc sinh, đã được số loại hữu tình chúng đồng phận.”

Luận ấy nói danh sắc vì mới thọ sinh. Duy-Thức Hội chép: “Ng-hiệp chủng trong thức (hạt giống của nghiệp trong Thức) gọi là chi Thức. Cho nên ngài Tam Tạng nói: “Tâm ở cuối Trung hữu gọi là điền đảo. Vì dẫn dắt chi điền đảo. Hạt giống của chi thức trong bản thức theo nhau, cũng gọi là tâm điền đảo. Vì tâm điền đảo, nên kết sinh tiếp nối nhau, v.v..., gọi là sắc.”

Các căn viên mãn, nghĩa là chi sáu xứ. Cảnh của hai thọ dụng, là chi xúc, thọ. Xúc dẫn thọ sinh, đều có cảnh thọ dụng, nên Câu-xá gọi là tùy xúc thọ.”

Luận sư Cảnh lại giải thích: “sáu xứ “duyên”xúc, khi xúc khởi, dựa vào hai căn, thức và cảnh (đối tượng) thọ dụng, tức là ba hòa sinh xúc. Cho nên nói rằng “Cảnh của hai thọ dụng”

Chấp mắc. Nghĩa là “duyên”ái hiện tại. Mong cầu, nghĩa là duyên ái vị lai, gọi là chung lá chi ái. Phiền não càng thêm nhiều, là chi Thủ.

Trong đây chỉ nói nghiệp là chi hữu. Đã hội ý như trước, vẫn còn lại rất dễ hiểu.

Hợp với nghĩa “hữu”dựa vào ba tế để phân biệt thứ lớp:

Vô minh, hành, thức ở đời quá khứ. Tâm điền đảo, nghĩa là năm thứ như thức, v.v... đều gọi là tâm, vì không lìa thức, nên thức là chủ. Do tà hạnh huân phát, vì “hữu”tương lai hướng về sự sinh, nên tâm gọi là điền đảo. Vì lược qua, nên không nói chánh hạnh huân phát.

Y cứ theo ái, thủ ở sau, thấm nhuần nghiệp của “hữu”sau, biết được bờ mé trước cũng thấm nhuần tâm hành, cho nên lược qua không nói.

Ái thủ, hữu của bờ mé trước. Danh sắc kia kết sinh trở xuống bốn chi, là chi sinh, già, chết của đời quá khứ.

Thành Duy Thức chép: “Nhưng quả đã sinh, nếu ở vị lai, vì sinh nhằm chán, nên nói sinh già, chết. Nếu hiện tại vì muốn cho chúng sinh biết rõ tướng của phần vị sinh, nên nói năm thứ như thức, v.v...”

Duy-Thức kia nói chi thức, đầu tiên vào thai mẹ. Ở đây vì nói danh sắc, nên chỉ bốn chi.

Do ái hiện tại, phát sinh tham ái, phiền não càng nhiều, thấm nhuần nghiệp hữu ở sau, cho đến sinh, già, chết của hữu ở tương lai.

Chỉ nói nghiệp thấm nhuần không nói phát. Nghĩa là vì y theo mé trước biết là phát nghiệp, đây là ảnh hiện quá khứ mà nói phát, không

nói là nghiệp thắm nhuần. Hiện tại thì nói thắm nhuần, không nói phát nghiệp. Vị lai nói sinh, già chết, không nói danh sắc, v.v... Hiện tại nói danh sắc, v.v..., không nói sinh già, chết.

Vì muốn chỉ bày rõ nhân, quả ba đời, không đoạn thiện, thuận với Tiểu thừa, nên nói rằng:

“Lại nữa” thứ hai, chỉ dựa vào hai mé để lập.

Duyên bên trong thân. Nghĩa là môn phát nghiệp dẫn sinh.

Duyên cảnh giới. Nghĩa là môn nhuần sinh quả khởi, khởi chấp ngã, v.v... người ngu là tương ứng với si. Hoặc nhân si này, khởi chấp ngã kia là bất cộng si.

Đã phát nghiệp rồi, thì theo nghiệp kia, phần nhiều khởi tâm, từ, v.v...

Luận sư Cảnh nói: “Thức, có công năng phân biệt rõ. (chủ thể phân biệt), gọi là tâm, tư. Đây là chi hành dẫn phát chủng thức, gọi là khởi tâm, tư. Vì chi hành kia giúp hạt giống của thức, nên có công năng lần lượt dẫn phát, hạt giống của danh sắc, sáu xứ và xúc, để chiêu cảm quả khổ của ba đồng loại danh sắc, v.v... ở tương lai.”

Luận sư Bị nói: “Đã phát nghiệp thân ngữ, khởi ý nghiệp tâm, tư Hành làm bạn phát khởi cho chi thức, chi thức được sinh.

Từ đây trở về sau ba quả sinh dần. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tức tùy nghiệp kia, phần nhiều khởi tâm, tư. Ở đây cho là thức hiện hành. Do nghiệp làm bạn giúp cho thức, nghĩa là thức chủng. Hạt giống được nghiệp huân tập, vì làm giúp đỡ. Hạt giống của danh sắc, v.v... kia, vì đây đều gọi là Thức, nên hay cảm ba khổ ở tương lai:

1. Căn đầu tiên khởi khổ, nghĩa là danh sắc, thân, ý, vì mỗi căn mới khởi.

2. Căn viên mãn khổ, nghĩa là sáu xứ.

3. Cảnh giới thọ dụng khổ, nghĩa là xúc, tức là hợp để gọi là Hữu, được chia làm hai thứ năng sinh (chủ thể sinh). Về mặt lý thật sự nên có hai quả của thức, thọ. Vì thức gọi là Chủng, nên trong quả không có, thọ gọi là thọ bên ngoài, trong quả bên trong không có, ái phải nhờ thọ mới được khởi nên mé trước của thọ không có mé sau, nói có.

Xúc ở mé trước, vì sau nói thọ tương lai (sẽ thọ), nên xúc thọ đều đối nhau có riêng. Dựa vào xúc “duyên” thọ, phát khởi ra ái, nghĩa là chi ái.

Do cảnh thọ dụng khởi rộng sự theo đuổi mong cầu, v.v..., đó là chi Thủ.

Do môn sự nghiệp. Cái gọi là các nghiệp tịnh hạnh, thờ vua.

Môn lợi dưỡng. Nghĩa là ngồi thu hoạch gieo trồng, cày ruộng, v.v... Ngoài hai nghiệp này, còn cảnh Dục khởi, gọi là Dục cầu.

Hoặc do môn giới cấm. Nghĩa là tà nguyện giới cấm thủ, do tà nguyện này khởi mong cầu thân bên trong, cầu mong thân sẽ được quả vui ở tương lai.

Hoặc do môn giải thoát. Nghĩa là kiến thủ, do kiến thủ này, khởi cầu tà giải thoát.

Môn hữu nghĩa sự nghiệp, nghĩa là Dục-thủ.

Môn lợi dưỡng, nghĩa là kiến thủ, vì được lợi dưỡng, chấp kiến đó vượt hơn.

Môn giới cấm, nghĩa là giới cấm thủ. Môn giải thoát, nghĩa là ngã ngữ-thủ. Vì Đế, vì trụ, nên chấp tự tánh của “ngã” là giải thoát. Nhân bốn thủ này mà phát khởi ba cầu:

1. Cầu dục, cầu nhiều, năm dục.
2. Cầu thân bên trong tức cầu hữu, cầu tự thể.
3. Cầu tà giải thoát, tức cầu tà phạm hạnh vì cầu tà giải thoát.

Lúc cầu như thế, khiến cho trước, khởi phiền não và nghiệp, v.v..., nghĩa là nghiệp là chi “Hữu”, vô minh là duyên phát nghiệp, để cho quả tương lai sinh. Vô minh không phải chi “Hữu”.

Trong lần “lại nữa” thứ ba, do nhóm hữu tình. Nghĩa là hai lần “lại nữa” ở trước, nói riêng về thứ lớp lưu chuyển. Nay, ở đây vì dựa chung cả lưu chuyển, hoàn diệt, nên nói là ba nhóm.

Ưu thanh tịnh của thế gian. Nghĩa là không ưa xuất thế, mà vì ưa người trời, nên gọi là thanh tịnh. Nhưng vì ngu si, nên cũng tạo phi phước. Hoặc khởi theo đuổi ăn năn dẫn phát, hoặc không thối lui ăn năn, vui mừng đã dẫn tâm trụ, v.v... nối tiếp nhau. Luận sư Cảnh giải thích: “Đây là ở Trung hữu có sự ăn năn, không ăn năn. Thức nối tiếp nhau trụ từ hành đến thức.”

Pháp sư Khuy Cơ giải thích: “Theo đuổi ăn năn, nghĩa là vì ưa thanh tịnh, nên ăn năn nghiệp phi phước. Hoặc ăn năn vì si không hiểu. Nhân ba nghiệp này hoan hỷ đã dẫn tâm nối tiếp nhau trụ, nghĩa là tâm vui mừng đã huân tập (hun đúc) thành hạt giống nối tiếp nhau mà trụ, tức là chi thức lấy hạt giống này làm nhân.

Do phi phước, nghĩa là nghiệp phẩm hạ. Do phước, nghĩa là nghiệp phẩm trung. Do bất động, nghĩa là nghiệp phẩm thượng.

Ở chỗ sẽ sinh, cũng đều có thể cảm quả của ba khổ chủng, gọi là chi thức, hiện hành, gọi là danh sắc, v.v... Không nói nghĩa thọ, v.v..., (y theo giải thích ở trước)

Ưu chấp mắc cảnh giới. Nghĩa là ba thứ thọ, ái, thủ sinh, già, chết của “hữu”kia, nhân chấp mắc cảnh, hữu cũng được tên ấy (trong kinh Duyên Khởi đã giải thích đầy đủ theo thứ lớp, e phiền phức, nên không nói lại ở đây.)

Phần thứ sáu trong giải thích vấn nạn, có hai lược hỏi đáp: Đầu tiên, hỏi trong nghịch thứ lớp.

Đáp: “Dựa vào thứ lớp này, vì nói rộng về đạo lý Đế, nên nói là “đẳng”.

Quán già chết, v.v... là ba mươi bốn trí. Quán già, chết trước hết trong bốn Đế, vì là khổ, nên trước là quán già, chết.

Hạt giống của năm chi thức, v.v... Hiện tại từ vô thủy đến nay, “hữu”gọi là thức cũ, danh sắc cũ, v.v...

Từ hạt giống này sinh ra sinh và già, chết ở vị lai, gọi là Thức, danh sắc, v.v... trong hai quả đều gọi là thức, danh sắc mới.

Từ trên đến đây, nói chung, danh sắc do kiết sinh. Thể của danh sắc rộng, gồm thân chung chi khác, nên chỉ nói danh sắc.

Đã nói chi khác xong.

Do tâm giải thoát. Nghĩa là không khởi vô minh trong hiện pháp, vì chi hành là chủ thể dẫn hạt giống của năm chi cũng là thứ lớp bất sinh, vì do hiện nhân thứ lớp bất sinh.

Năm quả như thức, v.v... trong phần vị già chết, đều theo thứ lớp diệt, nên nói thức mới diệt là hàng đầu, cho đến thọ diệt là sau. Nhưng vì y cứ danh sắc kia là trước, nên nói là mới. Danh sắc diệt là đầu, cho đến thọ diệt là sau.

Cũng có thể trong bốn mươi bốn trí, trước là quán già chết, khởi bốn Đế quán: Quán sinh la tập già chết, là danh sắc cũ, vì khởi ở trước. Già, chết bắt đầu từ sinh khởi là danh sắc mới.

Nay, quán thể của già, chết diệt, tức là danh sắc mới diệt. Trong mười hai chi, trước quán già, chết diệt, để làm hàng đầu. Kinh Duyên Khởi nói: “Như bệnh, nhân bệnh, bệnh diệt thuốc hay, cho nên, trái với thứ lớp, sinh, già, chết là đầu.”

Hỏi: “Vì sao không nói các vô minh diệt là đầu ư? Đây là hỏi kế trước đã dẫn kinh nói danh sắc là diệt trước hết, vì sao kinh ấy không nói vô minh là diệt đầu tiên?”

Đáp: “Vì dựa vào tâm giải thoát mà lập, v.v... Ý này giải thích rằng: chưa nhập thánh về trước, đầu tiên là địa vị tư lương, trước là quán thuận theo thứ lớp. Trong đạo gia-hạnh, quán nghịch thứ lớp, khởi bốn mươi bốn trí, v.v..., nhập kiến đạo, v.v... vì thuận với thứ lớp đoạn, nên



vô minh diệt, tức hành diệt, v.v...

Y chỉ trong thân giải thoát của bậc Vô Học, danh sắc hiện tại là trước, thọ là sau. Hạt giống của bốn chi không thể làm nhân sinh quả của sinh, già, chết ở đời vị lai. Đây là nói nhân không thể sinh. Dưới đây, chỉ rõ do ái diệt, khổ tương lai không khởi. Nói giải thoát, nghĩa là lúc cảnh hiện thọ, ái và tùy miên, tức chi ái, thủ, do sức thánh đạo mà nhổ bỏ hẳn, không khởi, gọi là khả năng thấm nhuần phiền não, tập-đế diệt hẳn. Vì nhân này diệt hẳn, nên hạt giống của danh sắc, v.v... nhân đã dẫn trước kia sẽ không sinh quả, gọi là chi còn lại diệt. Ý nói ở đây là chỉ bày rõ hạt giống mà danh sắc hiện tại có được, không sinh ra quả tương lai. Vì trước quán khổ Đế, lấy danh sắc diệt đặt lên hàng đầu. Diệt này do cái gì? Do ái, thủ, v.v... Diệt, thuộc về Tập đế, khả năng thấm nhuần, cho nên, hạt giống của danh sắc, v.v... sẽ không sinh ra quả. Hạt giống của danh sắc, v.v... là nhân duyên của sinh, già, chết ở đời tương lai.

Vì nhân duyên gần, nên danh sắc này diệt trước; vô minh, v.v... là nhân duyên xa, nên về sau, mới bắt đầu quán sát, vì nhân của khả năng thấm nhuần, cho nên, không nói vô minh là diệt đầu tiên.

Cho nên khi được Vô học rồi, quán rằng: “Do cái gì là không, nên già, chết không, v.v...”. Theo thứ lớp khác nhau, y cứ theo đây, nên biết.

Luận sư Cảnh nói: “Kể về văn kết này, nên đặt ở lập vấn nạn đã nói ở trước. Vì lập vấn nạn này trong môn thứ lớp, nên sau vấn nạn, là tổng kết thứ lớp của duyên khởi mà nói.

Trong giải thích danh từ thứ bảy có năm là “lại nữa”:

Dựa vào chữ, giải thích danh. Nghĩa là do phiền não ràng buộc làm duyên đi đến trong đường ác, vì thường thường sinh khởi, nên gọi là duyên khởi. Dựa vào chữ “Duyên”, nên gọi là dựa vào chữ.

Luận sư Cảnh bổ khuyết: “Do các phiền não ràng buộc đến trong đường. Là giải thích về chữ “Duyên”. Thường thường sinh khởi, nghĩa là giải thích chữ “Khởi”.

Dựa vào nghĩa sát-na để giải thích. Phân biệt “duyên khởi” của Đại chúng bộ; Hóa-địa bộ, v.v... là vô vi. Đồng thời, cũng ngăn ngừa về nghĩa bốn tướng về một thời kỳ của Chánh-Lượng-bộ.

Các duyên quá khứ mà không lìa, v.v.... Nghĩa là nếu dựa vào mười chi trước của phần vị “Duyên”; thì hai chi sau là “khởi”. Chi trước đủ bốn nhân duyên, v.v... Dù còn sát-na diệt, nhập quá khứ, vì hạt giống ở trong thân mà không lìa bỏ, nên sau khi dựa vào thân mình, thì quả

sinh khởi, hoặc mười hai chi trước, mỗi chi là “duyên”, mỗi một chi là khởi.

Vì đây có nên kia có. Nghĩa là nói về nghĩa duyên sinh vô tác.

Vì đây sinh nên kia sinh. Nghĩa là chỉ bày nghĩa duyên sinh, vô thường chứ chẳng phải chi khác, chỉ do có duyên pháp quả, được có không phải “duyên” có tác dụng thật, có khả năng sinh pháp quả, cũng không phải vì pháp không có sinh là nhân, nên ít đối tượng sinh (sở sinh) mà vẫn được thành lập.

Hai thứ vô tác, vô thường là duyên, chẳng phải tác dụng khác và hai hạt giống pháp Vô sinh là nhân, cho nên nói chẳng phải chi khác. Đây là phân biệt trời tự tại, v.v... có tác dụng thật và chấp vô vi có thể làm duyên khởi để giải thích danh kia.

Thường lui diệt lại nối tiếp nhau khởi. Nghĩa là thường thường gặp duyên mà vì nối tiếp nhau khởi nên gọi là duyên khởi. Giác của đời quá khứ “Duyên” tánh xong, đều nối tiếp nhau khởi. Nghĩa là khi mới chứng Bồ-đề, giác ngộ tánh duyên xong, về sau, vì hữu tình, phát khởi ngữ ngôn để nói, nên gọi là duyên khởi. Tự lợi gọi là “duyên”; lợi tha gọi là khởi, tức là bánh xe pháp xoay vần nói nghĩa.

Phần thứ tám trong tánh duyên có hai:

1. Bốn duyên.
2. Hai nhân.

Thành Duy-Thức nói: “Tăng thượng của các chi đối nhau, nhất định là có, ba duyên còn lại chẳng có không nhất định.

Trong kinh Duyên Khởi, dựa vào quyết định có, chỉ nói là có một, nghĩa là duyên tăng thượng. Ái đối với thủ, hữu đối với sinh, có nghĩa nhân duyên.

Nếu nói chi thức là hạt giống của nghiệp thì Hành đối với Thức, cũng làm nhân duyên. Các chi khác đối với nhau không có nghĩa nhân duyên, mà Tập luận nói là vô minh đối với hành có nhân duyên, đó là dựa vào nghiệp tập khí của vô minh mà nói. Vì vô minh đều có, nên giả thuyết vô minh thật sự là hạt giống của hành, hội ý văn này nói rằng: “Luận Du-già nói là các chi đối với nhau không có nhân duyên, ấy là dựa vào ái, thủ hiện tại chỉ có nghiệp.”

Có thuyết nói: “phân biệt khác rằng, vô minh đối với hành; ái đối với thủ; sinh đối với già, chết có Đẳng Vô gián và Sở duyên duyên.”

Ở đây lấy Vô Sắc để so sánh với chi Vô Sắc. Hữu đối với sinh, thọ đối với ái không có Đẳng vô gián, có sở duyên duyên (đối tượng duyên, chủ thể duyên).

Ở đây cũng lấy chi có sắc đối với chi vô sắc. Các chi khác đối với nhau, cả hai đều chẳng phải có.

Văn này nói chung, văn kia hiển bày riêng, nên như giải thích đó.

Không có sắc đối với có sắc. Nghĩa là sắc trong danh sắc đối với năm xứ nghiệp hữu đối với sắc sinh, sắc sinh đối với sắc già, chết.

Có sắc đối với có sắc. Nghĩa là vô minh đối với hành, gọi là đối với năm xứ, không có sắc sinh, đối với già chết. (trong đây không nói chẳng phải nghiệp có nên không nói).

Trong đây nếu dựa vào gần, thuận với thứ lớp, không lẫn lộn với nhau, thì nói là duyên khởi thật, khác với sự đối nhau này là duyên bất định.

Các người thông minh, như lý trên suy nghĩ.

Đáp về nhân duyên, nghĩa là hạt giống của tự thể, vì duyên đã rõ ràng. Ý đáp này nói: “Nhân duyên, nghĩa là hạt giống của vô minh chỉ sinh ra vô minh, không sinh chi khác, v.v.... Tự tự đối nhau, đối với chi khác, tức là tự tánh duyên sinh. Nay nói là nghĩa ái, phi ái duyên sinh, vì mình, và người đối với nhau có duyên tăng thượng, không có nhân duyên, nên nói như thế.

- “Vì sao nói là dựa vào thể tánh của nhân quả, để lập ra duyên khởi? Trong đây, ý câu hỏi là nhân có mặt ở cả bốn duyên, vì sao không có nhân duyên ư?” Ý đáp trong đây nói dẫn dắt phát trong mười nhân, lôi kéo dẫn sinh khởi, nhất định sự đồng, khác, dù có nhân duyên, trong không trái nhau, nhưng nhân khác nhất định kia vẫn có sự sinh đồng của tánh riêng không trái nhau, nhưng nhân khác nhất định kia vẫn có sự sinh đồng của tánh riêng không trái nhau, bởi thể chung cả gần xa. (ở đây lược qua không nói.)

Dẫn dắt kia dẫn dắt sinh khởi tâm, gọi là giải thích nghĩa, lẽ ra phải có nhân duyên, đàng này chỉ dựa vào hiện hành đối với nhau, gọi là nhân dẫn dắt, dựa vào tập khí của nghiệp trong “hành”, “hữu” v.v... của phần vị thấm nhuần và chưa thấm nhuần mà nói, cho nên là tăng thượng chứ không phải nhân duyên.

Không ngăn ngừa hạt giống ái đối với thủ, hạt giống sinh đối với già chết làm nhân dẫn dắt, có nghĩa nhân duyên. Cũng không ngăn ngừa năm thứ như thức, v.v... trong phần vị chưa thấm nhuần đối với sinh, già, chết làm nhân dẫn dắt.

Năm thứ như thức, v.v... trong hữu đã thấm nhuần, làm nhân sinh khởi cho sinh, già, chết mà có nghĩa nhân duyên, vì đối với nhau, riêng,

nên cũng không trái nhau. Trong hai nhân.”

Hỏi: “Có mấy chi thuộc về hai nhân, quả sinh và dẫn?”

Đáp: “Thức, v.v... trong pháp sau của hiện pháp, cho đến thọ đối với các chi thuộc về phần vị sinh, già, chết. Ở đây nói kết của chi thức sinh nối tiếp nhau, chủ thể dẫn (năng dẫn) đối tượng dẫn (sở dẫn) có trong cùng một thời gian, quả quá khứ xa nhau, đều gọi là nhân dẫn. Chủ thể sinh (năng sinh) và quả, vì hai đời khác nhau; gần gũi với chủ thể sinh, gọi là riêng là nhân sinh.”

Thành Duy-Thức chép: “Sinh gần với quả chánh gọi là nhân sinh; dẫn xa quả thừa thải, gọi là nhân dẫn. Ba tánh mười nhân, được chỉ rõ như chương riêng. vì ở đây nói về tạp nhiễm, nên không trái với giáo khác.

Phần thứ chín, trong duyên phân biệt, gồm có ba mươi môn để phân biệt.

Trong phần thứ nhất, mỗi chi đều có hỏi đáp để phân biệt. Vô minh có hai lượt hỏi đáp. Vô minh kia chỉ vì là nhân không đoạn, cho nên đồng. Không chánh tư duy có nhân không đoạn cho vô minh, nên không khả năng làm nhân tạp nhiễm, vì thể chẳng phải nhiễm. Vì sao không khởi tác ý phi lý mà có duyên khởi, nên gọi là nhân không dứt, chẳng phải nhân tạp nhiễm?”

Ở đây, Luận sư Cảnh có hai giải thích:

1/ “Không như lý tác ý. Nghĩa là y cứ hiện tại, vô minh tương ứng với bất chánh tư duy mà nói. Đây là vì vô minh nên nhiễm, vì không thể nhiễm vô minh, nên không nói là nhân của vô minh.”

2/ “Tác ý tương ứng với vô minh trong quá khứ”

Hỏi: “Nếu vậy, thì tác ý quá khứ đều có chung với vô minh, vì sao chỉ nói tác ý tác nhân không đoạn cho vô minh, mà không nói là vô minh quá khứ tác nhân không đoạn cho vô minh hiện tại ư?”

Đáp: “Dù có vô minh mà vì sức kém, cho nên không nói; vì sức tác ý mạnh, nên y cứ ở hỏi đáp kia. Vậy, lại, thể của tác ý này, Luận sư Bị nói lại hai giải thích:

1/ “Tác ý biến hành.”

2/ “Số tư biến hành. Lại sinh nghiệp tạp nhiễm, được năng lực phiền não huân phát, v.v... Nghĩa là sinh tạp nhiễm do nghiệp tạp nhiễm khởi. Nghiệp tạp nhiễm khởi do phiền não tạp nhiễm, cho nên nói là do phiền não kia đã huân phát.

Thể của nghiệp là “hành” nhân đầu tiên tức là lấy vô minh làm thể. Dù các phiền não đều là nhân ban đầu của nghiệp, nhưng vì vô

minh có riêng mười một việc vượt hơn, nên nói riêng, cái gọi là sở duyên (đối tượng duyên), v.v... (rộng như kinh nói).

Luận Câu-xá chép: “Vô minh không nói là nhân, sinh, tử lẽ ra có bắt đầu. Già chết không nói là quả, sinh tử lẽ ra có cuối cùng. Từ “hoặc” sinh “hoặc”, nghiệp; từ nghiệp sinh ra sự; từ sự sự “hoặc” sinh. Lý của chi hữu chỉ ở đây, cho nên mười hai chi không có chỗ luân hồi bắt đầu.

Bổ thuyết rằng thể của sinh tạp nhiễm do hai duyên nghiệp phiền não đã nhiễm. Nghiệp nhân một duyên phiền não nhiễm, cho nên đối tượng sinh (sở sinh) là vô minh ban đầu. Vì vô minh không do tác ý mà bị nhiễm, cho nên khởi, vì thế không nói tác ý không đúng như lý là duyên khởi đầu tiên.”

Hỏi: “Vì sao không nói tự thể của vô minh là duyên của tự thể ư?”

Đáp: “Vì tự thể vô minh nếu không được duyên gì khác thì đối với tạp nhiễm của tự thể, sẽ không thể tăng, giảm vì thế, nên tự thể của vô minh chẳng phải duyên.

Hành có ba lượt hỏi đáp. Vì không thấu nhân khổ của thế tục là duyên khởi, phi phước hạnh, v.v... Nghĩa là về tướng trạng khổ của ba đường ác dễ biết, gọi là khổ thế tục.

Nổi khổ của người trời vì ẩn khó hiểu rõ, sở tri của Thánh trí gọi là khổ thắng nghĩa”

Hoặc có giải thích: “Trong tám khổ, luận Đối-Pháp nói: “Bảy khổ trước, gọi là khổ thế tục, khổ thứ tám, gọi là khổ thắng nghĩa”

- Nếu theo giải thích này thì hành khổ thứ tám đã chung cho cả năm đường, lẽ ra chỉ mê đường ác, mà cũng khởi phước nghiệp, bất động? Bảy khổ trước đã chung cả người, trời, lẽ ra chỉ mê cõi thiện, cũng tạo nghiệp phi phước? Khổ khổ; hoại khổ; hành khổ đều chung cho cả năm thứ? Do đó, nên biết rằng, cách giải thích trước là hay.

Nổi khổ của thế tục, thắng nghĩa kia dựa vào thô, tế riêng, dễ biết, khó biết mà nói. Nói khổ của thế tục, thắng nghĩa này là dựa vào tướng chung của đường, cảnh của phàm, thánh mà nói, cũng không trái nhau. Nhân gần, v.v... của phước, nghiệp bất động khởi, chỉ gần với tư thiện, xa với nhân đẳng khởi, do vô minh phát nêu mê quả tương lai, nói si là duyên, hoặc nhân gần của nghiệp phi phước cũng do vô minh làm duyên, vì mê quả tương lai phải không?

Đáp trong đây, nói chung, “duyên” nghiệp phước, phi phước, bất động. Nghĩa là ba bất thiện căn chỉ sinh phi phước; bất thiện căn si,

chung cả phước, bất động. Cho nên, Duy-Thức nói: “Có vô minh phẩm hạ, có thể phát hành phẩm thượng. Nếu không như vậy, thì đầu tiên, chế phục nhiễm của địa dưới; mà khởi định của địa trên, lẽ ra không phải là chi hành? vì vô minh của địa kia cũng chưa khởi, cho nên bất thiện căn si phát chung cả ba nghiệp.”

Hỏi: “Phát nghiệp có phụ và chính. Nói chính thì không có pháp trợ. Vì duyên của sự nuôi dưỡng, vì phải cần số lượng, nên chính, hỗ trợ đều tỏ bày.

Dựa vào phát tất cả hành, duyên mà nói là, v.v... Nghĩa là không những chỉ nói vì duyên hành của thân ngữ và dựa vào sinh thiện, nhiễm ô, duyên của tư mà nói. Nói vô minh là duyên, không nói là duyên của vô ký hành, vì hai hành thân ngữ chỉ vô ký, vì chỉ nói là vô minh phát các hành. Vì gần nên có thể phát khởi ba thiện, nhiễm ô của thân, ngữ, ý.

Bổ khuyết rằng: “Dù tư phát khởi hai hành thân, ngữ mà không phát tư. Vô minh phát chung tất cả các nghiệp, cho nên chỉ nói vô minh “duyên” hành. Hơn nữa, ba nghiệp lấy tư làm tánh. Vô minh “duyên” hành thì sinh tư thiện, bất thiện. Vì thế, nên không nói tư “duyên” hành.”

Đáp: “Hành là duyên tạp nhiễm của thức, vì khả năng dẫn (chủ thể dẫn), khả năng sinh (chủ thể sinh) quả của hữu sau, cho nên bình đồng. Nghĩa là hành năng dẫn hạt giống của hiện thức, chủ thể sinh hữu sau, vì hiện hành của thức, không phải như danh sắc, chỉ là căn cảnh có thể sinh ra Thức.”

Đáp: “Vì thức có thể làm nhân cho sinh mới ấy cho nên đồng. Nghĩa là do thức vào thai làm nhân của sinh mới. Vì báo chung có thể làm duyên cho báo riêng. Hoặc do chủng thức là nhân gần của danh sắc, vì khiến sinh mới. Ở đây nói danh sắc, kiết đầu tiên sinh. Về nghĩa, cứ theo thức vào thai ở dưới, thuyết trước là hay.

Lại, dựa vào tất cả sinh, tất cả hữu lúc sinh, mà nói. Nghĩa là tất cả bốn sinh, tất cả ba hữu lúc thọ sinh, nhất định có thức, giới, nên nói riêng về thức. Năm thứ còn lại không nhất định, cho nên, không nói. Lại vì sáu xứ vượt hơn, do hai chủng. Nghĩa là chỉ nêu sáu xứ lúc sinh xúc, đây là giống như gồm sáu xứ, sáu thức cũng sinh ra xúc. Vì xúc là nhân gần ấy. Nghĩa là Duy-Thức nói: “Nghĩa là tương đáng yêu, v.v..., đối tượng xúc nhận lấy, với tướng thọ, v.v... thuộc đối tượng nhận lấy của thọ tướng gần, là gần gũi, vì dẫn phát vượt hơn. Do sức thọ, v.v..., đối với cảnh giống nhau, hoặc cầu hòa hợp, hoặc cầu trái lìa, v.v..., nghĩa là cảnh của thọ và cảnh của ái giống nhau. Đối với cảnh của thọ,

thì yêu mong cầu hòa hợp. Đối với cảnh khổ thọ, thì thích mong muốn biệt ly, gọi là cảnh giống nhau. Cho nên nói là ái lấy chi thọ làm duyên. Vô minh chỉ đối với tướng sinh, diệt, v.v... trong, ngoài, không như thật biết, không thể chế ngự tâm, mà khởi hành tướng không rõ ràng. Ái không thân, thuận không nói là “duyên”. Nếu xa do mê mà khởi thọ, cũng có nghĩa “duyên”, chẳng phải như thọ. Vì gần, nên nói riêng thọ làm duyên cho ái.

Do vì hy vọng sinh, nên trong khi cầu tiến, có thể phát tùy miên, v.v... Nghĩa là do ái, mong cầu hòa hợp với cảnh vượt hơn, cách ly cảnh ác, mà hun đúc hạt giống phát lấy tùy miên, và dẫn pháp tùy thuận sinh thủ, cho nên Thủ được sinh. Đó là lý do nói riêng ái “duyên”thủ.”

Hỏi: “trước kia đã nói vô minh là “duyên”phát khởi nghiệp “hữu”v.v..., nghĩa là nghiệp thiện, bất thiện đã thấm nhuần, chưa thấm nhuần đều gọi là hữu, vì khả năng có quả. Nhưng dựa vào sự thấm nhuần rồi, có thể tiếp cận quả “hữu”, được tên là “Hữu”. Chưa thấm nhuần về trước, mới tạo không phải thêm, gọi là đó là Hành.

Dựa vào nghĩa vượt hơn, khác, đều được một tên.

Nay, vì theo nghĩa chung, nên nói vô minh, phát khởi nghiệp “hữu”, tức là hành chỉ đối với phần vị thấm nhuần, do năng lực của thủ, tức khiến cho nghiệp kia, đối với vô minh kia, chỗ hành kia sinh, có thể dẫn đến quả thức, danh sắc, v.v... cho nên, nói riêng thủ “duyên”hữu.

Phần thứ hai trong môn ba đạo, theo Thành Duy-Thức: “Vô minh ái thủ là đối tượng thuộc về “hoặc”, tức ba đạo này. Hành có một phần, là thuộc về nghiệp, tức hai đạo này. Duy-Thức kia hội ý rằng: “Có chỗ nói nghiệp là hoàn toàn gồm thân hữu”, nên biết rằng, họ đã nương vào nghiệp hữu mà nói.”Hội Đối pháp v.v...: nói “thức thuộc về nghiệp”, họ nói chủng tử nghiệp là chi thức.”cho nên,thức khác là đạo khổ, nghĩa là ytheo đây là bảy chi còn lại, để nói chung “hữu”vì là nghiệp đạo.

Thành Duy-Thức nói: “Một phần của bảy hữu là đối tượng thuộc về khổ, vì năm thức chuyển thức, v.v... gọi là “hữu”.

Phần thứ ba, phân biệt trong nhân quả có hai lớp:

1. Dựa vào thứ lớp của mười hai chi đối nhau làm nhân quả.
2. Ba chỉ là nhân. Nghĩa là vô minh, ái, thủ là căn bản của phát nghiệp, thấm nhuần sinh.

Hai chỉ là quả. Nghĩa là sinh, già, chết là quả đã sinh của mười chi trước. Lớp này dựa vào ba tạp nhiễm và nhân quả đối nhau của hiện, chủng, vì là riêng. Tóm lại, duyên sinh là nhân quả, đại khái có năm lớp:



1. Môn đấng khởi. Nghĩa là trước trước là nhân, sau sau là quả, tức ở đây, đầu tiên nói, một môn đầu chỉ nhân đấng.

2. Nhân, quả gốc ngọn, văn thứ hai này, vì phiền não là gốc.

3. Chỉ là nhân đấng.

Từ đây trở xuống, cũng nói rằng, sáu chi trước và ái, thủ, hữu là phần nhân; hai chi sau là phần quả. Thọ, chung cả hai thứ, cũng dựa vào gốc, ngọn để nói về nhân, quả.

Dị thực chẳng phải nhân quả của dị-thục quyển năm mươi sáu nói: “Lại, năm chi thuộc về quả hiện tại, và hai chi thuộc quả vị lai, gọi là chung là duyên khởi thuộc về quả. Phải biết rằng, chi khác là duyên khởi thuộc về nhân.”

Luận Trung Biên quyển thượng cũng nói: “Nhân tạp nhiễm, nghĩa là phần nghiệp phiền não. quả tạp nhiễm, nghĩa là phần khác.

4. Nhân quả thực, chưa thực. Luận Đối Pháp nói: “Lúc ở phần vị nhân, có chủ thể dẫn, đối tượng dẫn (năng dẫn, sở dẫn), tức bảy chi trước. Khi ở phần vị quả, có chủ thể sinh (năng sinh), đối tượng sinh (sở sinh), nghĩa là năm chi sau: do vô minh đã thành thực, vì ái, thủ làm tăng trưởng cho nó.

Sáu chi như hành, v.v... thành thực gọi là hữu. Hai chi sinh già là đối tượng đã thành thực.

5. Phần vị nhân, quả tức sinh trước dẫn trong hai nhân nói rằng, chủ thể dẫn và chủ thể sinh hợp với mười chi, gọi là nhân, hai chi sau là quả.

Duy-Thức cũng nói: “Mười nhân, hai quả, nhất định không đồng với thời gian. Dù các môn nói năm nghĩa không đồng, đối với nhau có khác, nhưng về mặt lý thì không trái.”

Phần thứ tư, nói về tướng riêng, lẫn lộn.

Ba là tướng riêng, v.v... Thành Duy-Thức nói: “Vô minh ái, thủ, được nói là tướng riêng, vì không xen lẫn nhau với chi khác.

Chi khác là tướng lẫn lộn, nghĩa là về nghĩa trước, sau nhất định không đổi thành chi khác, gọi là tướng riêng. Trái với tướng này là tướng lẫn lộn. Nói chủ thể dẫn quả ái, phiái. Nghĩa là thể tức chi hành. Vì chưa thấm nhuần về trước, gọi là nhân dẫn. Và sự khác nhau của chủ thể sinh thú, tức là chi hữu. Do hành bị chuyển thấm nhuần, gọi là hữu, vì khả năng sinh chi.

Thức và danh sắc, một phần của sáu xứ có tướng lẫn lộn, nghĩa là như lúc chi thức thông suốt qua năm uẩn “hữu”, chỉ nói thức là chi; cho nên là một phần. Đến thời gian danh sắc, thức chuyển thành danh, một



phần trong danh. Đến thời gian sáu xứ, thức lại đổi tên là ý xứ không phải năm xứ khác, cũng là một phần. Chỉ một thức tách đi thẳng tắt với ba chi trước sau, gọi là khác nhau, nghĩa ấy cũng khác, nên gọi là tướng lẫn lộn. Vì xúc, thọ chẳng phải thức, nên không đồng với lẫn lộn. Lúc dựa vào tạp nhiễm, đó là chi Thức, nghĩa là văn trước nói: “Vì tà hạnh, nên làm cho tâm điên đảo, hiện thức điên đảo đã hun đúc hạt giống, tức gọi là chi Thức.”

Dựa vào thời gian thấm nhuần: Tức hạt giống thức được ái, thủ thấm nhuần. Phần vị của kiết sinh đầu tiên, được gọi là chi danh sắc.

Dựa vào thời gian thay đổi. Nghĩa là tức sinh sắc này, lúc sáu căn khởi, gọi là chi sáu xứ, chứ không phải sáu xứ, v.v... Hoàn toàn chỉ là thức, vì đều có thức, cho nên, trở thành lẫn lộn.

Vì phân biệt rõ tướng khổ, nên nói là “Đẳng”. Nghĩa là thức, hiện tại, v.v... Hiện khởi năm chi, đáp lại nhân trước khởi tướng của năm chi rõ ràng, phân biệt rõ ràng về tướng khổ riêng. Nếu ở vị lai đồng với pháp Di-thục, thì sẽ có chưa rõ ràng, gọi là chung là sinh tử.

Sinh, già, chết này, một là bảy nhân dẫn đã dẫn của vô minh, v.v... Hiện tại. Hai là ái, thủ có ba nhân sinh đã sinh. Cho nên nói “và vì chỉ rõ sự khác nhau của dẫn sinh. Sinh, già, chết này đối với sinh thân kế, lúc hiện tại khởi, thân vi tế có khác nhau, vì là năm chi, nên nói vì bày tỏ riêng về tướng khổ. Phải biết tông này, năm chi như thức, v.v... ở hiện tại và hai chi ở vị lai, có tướng lẫn lộn, nghĩa là chi sinh, gồm sáu chi năm chi như thức, v.v... Già, chết chỉ bao gồm phần sau của chi thọ, nên gọi là tướng lẫn lộn. Cũng có thể già, chết thấm nhuần sinh, đều có năm chi như thức, v.v..., gọi là có tướng lẫn lộn (tướng tạm của hữu).

Phần thứ năm là giải thích lại về danh nghĩa. Duyên khởi trong kinh.

Tiếng Phạn là Bát-thích-để, Hán dịch là Ứng hành, vì không trụ.

Tiếng Phạn nói là tham, Hán dịch dịch là hòa hợp, vì nhóm hợp chính đáng.

Tiếng Phạn nói ở, nghĩa này được dịch là khởi, vì duyên khởi mới khởi.

Trong ba nghĩa đầu tiên, giải thích chung về duyên khởi, để phân biệt với vô vi. Kế đến giải thích về chữ “duyên”, nhằm chứng tỏ duyên không khác nhau. Sau chỉ giải thích chữ “khởi”, để phân biệt với pháp bất sinh. (rộng như chánh lý)

Duyên khởi, duyên sinh: Như Đối Pháp nói “nhân gọi là duyên khởi; quả gọi là duyên sinh”

Phần thứ sáu trong thuộc về bốn Đế, ở đây nói bảy chi đầu đều là khổ-đế xong. Nói năm chi còn lại, chỉ Tập-đế xong. Vì muốn chỉ rõ thể của hai đế khác nhau, chẳng phải năm chi hoàn toàn là Tập-đế”

Thành Duy-Thức nói: “Đều thuộc về khổ đế, vì tánh của thủ uẩn. Năm cũng thuộc về Tập-đế, vì tánh của nghiệp phiền não.

Bức bách là nghĩa khổ. Tất cả đều là khổ, vì chiêu cảm dị-thục, vì là nghĩa tập. Năm, cũng là tập-đế.

Phần thứ bảy các chi đối nhau là ba duyên, giữa có mười sáu lượt hỏi đáp. Nghĩa là do vô tri đối với tùy thuận “đẳng” trong pháp của các hành.

Pháp sư Khuy Cơ giải thích: “Ý hành bất thiện, gọi là tùy thuận hành. Lúc vô minh cùng có, vì là sát-na đẳng khởi, gọi là đều cùng có che lấp. Do năm ác kiến nên tha hồ buông lung tương ứng với vô tri. Kiến duyên này khởi vì không phải thân duyên hành, nên làm duyên Vô gián cho hành thân, ngữ ác. Hoặc do thân kiến, biên kiến, v.v... tương ứng với vô tri, duyên Vô gián thân dẫn các hành. Nếu các hành thiện do vô minh dẫn là duyên lâu xa, do mê quả kia, khởi hai tư ban đầu, về sau, mới khởi có hành, nên trở thành duyên diệt lâu xa, kiến lập quả tương lai. Đây là nói quả phát khác nhau giữa hai hành, cũng được làm duyên “Câu hữu” cho hành vi thiện. Vì sát-na đẳng khởi, không phải chính thức phát nghiệp, nên ở đây không nói.

Các nghĩa như thế, tư duy so sánh nên biết.

Ở đây phương Tây (Thiên-trúc) nêu ra hai giải thích:

1/ “Vô lậu của Nhị thừa cũng đều có với vô minh, hướng chi là thiện hữu lậu. Nếu dựa vào nghĩa này, thì nghiệp thiện, phước, v.v... sẽ được đều có chung với vô minh, cũng dùng vô minh làm duyên “Câu hữu”.

2/ “Vì nghiệp thiện, bất thiện đều có chung với vô minh.”

Văn này đều so sánh vô minh với hành, chia làm ba duyên, để nói riêng về thiện ác:

Ác có ba duyên, thiện không có “Câu duyên”(duyên cùng có), cho nên văn luận này là lời chung, mà ý riêng:

Hành với thức là ba duyên. Nghĩa là do hành đồng thời hun đúc, phát hạt giống thức là “duyên” “câu hữu”, do thế lực của hành, làm cho hạt giống thức của niệm kế tiếp nối tiếp nhau tăng trưởng, là duyên của Vô gián diệt. Do hạt giống của hành kia, nên quả tương lai của thức mới được sinh khởi, là duyên của diệt lâu xa.

Thọ đối với ái là ba duyên. Nghĩa là do thọ hiện hành đồng thời

khởi ái là duyên “Câu hữu” v.v... Ái đối với thủ là cùng có rằng: “Vì do tham đều hiện hành, nên đối với dục lạc trong pháp tùy thuận thủ được an lập. Nghĩa là ái với chủ thể thủ thật ra không đồng thời, vì nhân duyên của thủ là đối tượng thủ, đối tượng làm với ái đều có. Ái đối với thủ trở thành duyên “Câu hữu”, thủ đối với hữu là ba duyên, lại, chủ thể vẫn phát công năng của giới kia là duyên lâu xa. Nghĩa là duyên này đối với sơ sinh, không phải là sự nối tiếp nhau về sau. Khi sắp chết, ngã ái đối với các cõi, lúc mới khởi, có một niệm cách biệt, chính là chết, cho nên là duyên lâu xa.

Hữu đối với sinh là ba duyên, hun đúc, phát hạt giống kia.

Luận sư Cảnh nói: “Chủng nghiệp của chi hữu đã được thấm nhuần rồi; hạt giống danh ngôn giúp phát thức, v.v... làm cho đời đời đều làm duyên câu hữu.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Do nghiệp xưa hun đúc hạt giống thức, v.v..., nên nay gọi là hữu, mà sinh ra quả hiện tại, nên trở thành “Câu hữu”(đều cùng có).

Dù diệt lâu xa, mà quả chuyển biến. Nghĩa là như thấm nhuần đầu tiên. Hữu đối với sơ sinh, vì quả thay đổi nên trở thành duyên dẫn phát của diệt lâu xa, vì cách ngăn chính khi chết.

Thứ tám, trong phần nói về phần vượt hơn, phần hoàn toàn của chi hữu, chi hữu có hai kiến lập:

1. Phần vượt hơn.
2. Phần hoàn toàn.

Đầu tiên chỉ cho nghiệp hữu. Về sau, sáu là hữu, do thủ thấm nhuần chuyển biến gọi là hữu, xưng là nhiếp thọ.

Trong môn nghiệp dụng thứ chín có hai:

1. Nói về nghiệp nhiều ít.
2. Làm duyên rộng, hẹp, tức nghiệp dụng này và trong cảnh sở hành đầu riêng, như đối tượng thích hợp với nghiệp đó mà có dụng, v.v... của nghiệp. Luận Đối-Pháp nói: “rằng chi vô minh có hai thứ nghiệp:

1. Làm cho các hữu tình ngu si đối với hữu.
2. Làm duyên cho hành, cho đến hai thứ nghiệp của sinh hữu:
  - a- Khiến danhsắc, v.v... của các hữu tình khởi.
  - b- Làm duyên cho già, chết.

Các chi như thế đều có hai nghiệp. Nghiệp thứ hai kia, ở đây nói là, tức nghiệp dụng này.

Ba thứ duyên đã nói ở văn trên và hai nghiệp sở hữu trong mỗi

cảnh riêng này, chính là nghiệp ban đầu kia.

Nói già, chết kia cũng có hai nghiệp:

1. Khiến cho hữu tình đổi khác trong từng thời gian, vì hư hoại thiếu, tráng.

2. Thường làm cho mạng sống lâu của hữu tình đổi khác, vì hư hoại tuổi thọ.

Trong đây, chỉ nói chi trước làm duyên cho chi sau, nên không có duyên của già chết, không trái nhau.

Trong biện biệt là duyên rộng, hẹp có ba:

1. Nói về nghĩa duyên xa gần.

2. Nói sau chẳng phải duyên trước.

3. Kết về duyên.

Phần thứ mười giải thích kinh:

Câu: “Ở đây có, nên kia có, v.v...”

1. Hiện bày rõ duyên sinh vô tác. Chỉ do hữu duyên quả pháp được “hữu”, chẳng phải duyên tác dụng thật của “hữu” năng sinh ra quả pháp.

Nói do chưa đoạn duyên, nên pháp còn lại được nghĩa sinh.

2. Hiện bày duyên sinh vô thường, chứ chẳng phải pháp vô sinh, làm nhân, vì thiếu pháp sở sanh mà được thành lập.

Hai phần sau, nói về thế dụng của nghĩa sinh. Nghĩa là thứ ba, “là các pháp vô tác.” Thứ tư, “là các pháp vô thường.” Nhưng vì không tùy thuộc vào một pháp làm duyên, nên tất cả quả sinh. Do công năng của các pháp khác nhau, nên nói rằng: “1- Phá tác dụng duyên sinh. 2- Phá duyên sinh thường trú. 3- Làm rõ thế dụng duyên sinh. 4- Phá sai lầm của duyên sinh bất bình đẳng: người khác làm, ta chịu quả.”

Phần thứ mười một. Trong phân biệt bốn trường hợp, v.v..., chẳng nhất định là chi. Vì đại khái nói là chi kia, câu thứ hai vô minh không nói là quả của nghiệp báo riêng hữu phú vô ký, vì lược qua.

Trường hợp thứ hai là hành, không nói thức vô phú hữu ký cũng thế. Hoặc có ái này không phải thọ làm duyên, nghĩa là mong cầu giải thoát và dựa vào ái thiện mà xả ái khác, nghĩa là loại Dục của pháp thiện, gọi là cầu ái giải thoát, và tất cả ái thiện, nhằm bỏ tham ái, nghĩa là vì không phải thuận với ái thọ là duyên, nên sinh phi ái, đều cùng lúc và trước kia không có thọ, vì không thuận với ái thọ, nên nói chẳng phải duyên, không trái nhau. Lý thật trong đây, nên thuận theo câu sau.

Các ái này, nghĩa là phải duyên thọ sinh, “Có” thọ làm duyên chẳng phải là ái, nghĩa là chi còn lại ở sau.

Trong mười hai chương tám chánh đạo, mười hai chi đều che lấp chánh kiến, chánh tư duy, v.v... Nay nói chương vượt hơn, chỉ nói vô minh và ý hành nhiễm và ý hành hữu che lấp chánh kiến, v.v... Thân hành, ngữ hành; và một phần sắc hữu che lấp chánh ngữ, v.v... Trừ vô minh hành hoàn toàn có một phần, một phần ít chín chi khác che lấp chánh niệm, chánh định. Nói chi khác ở đây, nghĩa là hoàn toàn nói chín chi. Vấn đề này có hai giải thích:

1/ “Do ba chi trước, nói là che lấp thân tuệ và thân giới. Chín chi còn lại, theo nhau, gọi là chung là che lấp chánh định, v.v... Về lý, thật sự chỉ nên nói là hai chương ái, thủ lia dục, đạo chánh niệm, định.”

2/ “Thân định, nghĩa là tâm học; chi thức là tâm. Danh sắc, sáu xứ, sinh và già chết, vì đều có thể của tâm, nên che lấp thân định. Hai chi xúc, thọ là sở hữu của tâm, đều gọi là sắc trong danh và năm xứ trước, từ thức, nói chung, che lấp thân chánh định. Hai chi ái, thủ che lấp đạo lia dục, chính là che lấp thân chánh định. Ở đây nói chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn là tuệ học; chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là giới học; chánh niệm, chánh định là định học.”

Thành Duy-Thức chép: “Sáu độ và ba học nhiếp nhau.”

Hoặc nói rằng tinh tấn gồm thân ba, vì chung cho cố gắng ba. Hoặc dựa vào Sơ học để nói, nên nói rằng: “Tinh tấn chỉ có giới, vì thủ hộ giới. Nay, dựa vào lâu thành, do tinh tấn giúp thành, vì kiến vượt hơn, nên chỉ có thân tuệ. Chánh niệm thuận với sinh, vì chi chánh định, nên thuộc về định học. Do niệm ghi nhận sáng suốt vì tâm chuyên chú.

Phần thứ mười ba. Trong môn nhiễm tịnh, bốn chỉ phẩm tạp nhiễm, đó là vô minh, ái, thủ và thức.’

Hỏi: “Ba phiền não là nhiễm có thể biết. Vì sao biết thức là nhiễm?”

Đáp: “Như trên đã nói, vì tà hạnh, nên khiến tâm điên đảo, nên là thức tạp nhiễm. Đây là y cứ tâm cuối của trung hữu, vì là chi, nên nói rằng bốn chỉ là tạp nhiễm. Hoặc thứ tư là chi già, chết. Vì không thể tu học trong phần vị già, chết nên tên là nhiễm. Năm chi như thức, v.v... y cứ theo chi sinh mà nói, thì sáu chi này thật sự không phải nhiễm, tịnh. Tùy theo nghiệp chung, riêng, mà quả được gọi là nhân.

Thành Duy-Thức nói: “Ba chi chỉ là nhiễm, vì tánh phiền não; bảy chi chỉ không nhiễm, vì quả Dị thực.” Hội ý văn này nói rằng: “Chấp nhận khởi nhiễm ô trong bảy phần vị, đã nói chung cho cả hai, vì phần vị khác chung cho hai thứ.

Ở đây, chỉ nhiễm nói là bốn chi. Hoặc thức, hoặc già chết, già

được tên nhiễm, Duy-Thức y cứ ở thật, cũng không trái nhau.

Phần thứ mười bốn, môn nhân mất, quả táng. Có ba thứ phát khởi triền, tùy miên vô minh, Pháp sư Bạt nói: “Triền là vô minh hiện khởi; tùy miên là hạt giống vô minh ; phát khởi tức là phát nghiệp, vô minh bất cộng chung cả ba thứ trước.”

Lại giải thích có ba thứ phát khởi triền, tùy miên, vô minh, tức là vô minh ba cõi chung cho triền và tùy miên đều có thể phát hành, do triền tùy miên này diệt, nên hành cũng diệt theo.

Giải thích trước thuận với kinh duyên khởi. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Phát khởi nghĩa là vô minh phát nghiệp. Vô minh này tương ứng chung với bất cộng triền, nghĩa là vô minh nhuận sinh, phần nhiều chỉ tương ứng. Hai thứ này đều hiện hành, được hun đúc thành hạt giống, gọi là vô minh tùy miên. Do phát hành vô minh lấy tất cả vô minh làm căn bản.” Trong đây, nói chung là vô minh nhuận sinh lại, hành ngay chi hữu; vô minh ngay ái, thủ, nên đây là nói chung.

Lại, ba thứ này phát khởi là chung. Trong đây có hai: Triền, và tùy miên. Vì chung, riêng hợp luận, nên gọi là ba thứ. Thể của phát khởi tương ứng với bất cộng, tức bốn là ba. Vì ba thứ này diệt chung, nên phát hành kia phân biệt vô minh diệt. Vì vô minh kia diệt, nên hành diệt.

Cách giải thích này nói chung, phát vô minh của tất cả hành. Không như vậy, thì vô minh nhuận sinh chưa diệt, vì sao phát hành liền diệt?

Lại có ba thứ phát khởi, vô minh tùy miên của triền:

1. Chủ thể phát khởi triền.
2. Tương ứng với chủ thể phát khởi.
3. Chủ thể phát khởi bất cộng.

Ba thứ này đều là triền. Triền là chung, hai thứ sau là riêng.

Phát vô minh tùy miên của hiện hành này có ba, do ba vô minh tùy miên này diệt, nên vô minh hiện hành kia diệt. Vì vô minh hiện hành diệt nên hành diệt.

Trong hành, Luận sư Cảnh nói: “Các hành đối với tự nối tiếp nhau, đã làm, đã diệt và chưa khởi đối trị. Đây là nêu các hành đã làm chưa dứt trong thân mình. Vì hành này không có, nên thức không có.

Nói: “Lại do ý hành”, nghĩa là cố khởi thân, ngữ hành.

“Vì đây có, nên kia có”. Nghĩa là do ý tứ hành, khởi thân, ngữ hành. Do ý tứ có, nên thân, ngữ kia có. Đây là nêu riêng có để chỉ bày rõ không có.

Nói “Vì kia không có, nên thức duyên kia cũng không.” Nghĩa là thân hành, ngữ hành kia không, thức kia cũng không”. Đây mới là thuận giải thích luận.

Nói: “Đây nếu hoàn toàn diệt, phải biết thức cũng diệt theo”

Pháp sư Khuy Cơ giải thích: “Đã làm chưa diệt trong sự nối tiếp nhau của mình, nghĩa là ý hành. Lại do ý hành, nên khởi thân, ngữ hành, nghĩa là hai hành thân, ngữ. Vì do ba hành này, nên thức có. Vì hành không có, nên thức duyên kia cũng không có, v.v... Nghĩa là hạt giống thức lấy hành làm duyên. Vì hành không có, nên hạt giống thức không. Nếu hành hoàn toàn không có, thì thức kia cũng không có. Hoặc hạt giống thức này vì hoàn toàn không có, nên hiện thức cũng không có. Lý vô minh “duyên” hành. Như thế, đạo lý ái “duyên” thủ, thủ “duyên” hữu cũng như thế.”

Luận sư Cảnh giải thích: “Hỏi: “Lý vô minh duyên hành giống như thủ duyên hữu rất dễ hiểu. So với ái duyên thủ đâu có giống nhau ư?”

Giải thích: “Có một ít giống nhau chứ chẳng phải hoàn toàn. Như vô minh bất thiện trước, sinh vô minh bất thiện sau, tương ứng với tư hành. So với ái sinh thủ, thì nghĩa ấy đồng. Không y cứ vô minh sinh thân, ngữ, ý hành khác và sinh phước, bất động hành.

Những gì là vì thọ không có, nên ái không có và đến như lý hành “duyên” thức? - Luận sư Cảnh nói: “Duyên” vui giả đối sinh ái này, như nhân tà hạnh sinh thức điên đảo, cho nên đồng loại nhau.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hỏi “Thọ là quả, ái là phiền não; hành là nghiệp, thức là quả, đều hoàn toàn không giống nhau, sao lại là đồng loại?”

Đáp: “Nghiệp quả của hành và thức khác nhau, vì tánh khác nhau nên đối nhau. Nay, “hoặc” quả của thọ và ái dù, khác nhau, mà vì tánh cũng đồng, nên chỉ không khác nhau. Như từ nghiệp sinh Dị-thục, Dị-thục sinh phiền não, vì là đồng loại, nên về nghĩa không trái nhau.”

Tông sư giải thích: “Như lấy vô minh làm duyên; hành làm duyên cho thức. Vì hành kia diệt, nên thức diệt. Cũng lấy vô minh, xúc làm duyên; thọ làm duyên cho ái. Vì thọ kia diệt, nên ái diệt. Vì nghĩa giống nhau, nên là loại.

Phần thứ mười lăm: Trong tám môn duyên khởi gồm sáu thân. Ba môn là duyên khởi kia đã rõ ràng: đây là thuyết chung. Dưới đây, phân biệt riêng, nghĩa là hai, một phần là môn nội thức sinh; môn tự nghiệp sở tác. Một, là toàn phần đã rõ ràng, nghĩa là môn hữu tình thế



gian chuyển. Luận sư Cảnh nói: “Môn nội thức sinh chỉ y cứ ở sáu căn sanh sau thức. Thức là chi thức, gồm sáu chi duyên khởi không cùng tận.

Môn tự nghiệp sở tác chỉ y cứ theo hành, hữu nghiệp, sinh ra sự khác nhau của năm đấng, không gồm sáu phiền não và hạt giống của năm chi, cho nên không hoàn toàn thuộc về chi hữu. Vì sao năm môn khác không phải được hiển bày bởi mười hai chi ư? Nghĩa là mười hai chi duyên tông, nói về nhân, quả trong thân hữu tình; môn lúa mạ bên ngoài thành thực; môn khí thế gian thành, hoại chẳng phải là nhân quả của trong thân, nên chẳng phải mười hai chi.

Môn thức ăn gìn giữ, gánh vác chỉ lấy thức ăn bên ngoài để nuôi lớn chúng sinh, cũng chẳng phải thân trong, khả năng sinh khởi duyên.

Môn oai thế: Phân biệt dựa vào chi thiền. Năm thông dựa chung chín địa, vì phát nghĩa lậu tận thông, nên không phải mười hai duyên.

Môn thanh tịnh. Tức là phẩm đạo, vô lậu từ nghĩa duyên khởi, cũng không phải mười hai chi duyên.

Pháp sư Khuy Cơ nói; “Môn nội thức sinh, thức dựa vào căn khởi, nghĩa là các thức này làm môn thế. Môn tự nghiệp sở tác, nghiệp chiêu cảm Dị thực có báo chung, riêng. Chỉ vì báo chung, nên nói là một phần.

Duyên sinh có ba:

1. Tự tánh duyên sinh. Thức Dị-thực thứ tám duyên sinh tự tánh.
2. Thọ dụng duyên sinh. Cảnh thọ dụng của sáu thức thân
3. Duyên sinh của đạo ái, phi ái, tức mười hai chi.

Môn vô thức sinh kia dựa vào căn “duyên” cảnh, chánh tự thọ dụng duyên sinh.

Môn tự nghiệp sở tác, chánh tự tự tánh duyên sinh: Một là hoàn toàn tức là đạo ái, phi ái. Dù lại là thiện, v.v... củ giải thoát phần, gọi là môn thanh tịnh, mà cùng với lưu chuyển làm môn trái hại. Lại vì chẳng phải thuận ích, nên cũng không gồm sáu.

Về nghĩa trái với lưu chuyển, như kinh Duyên Khởi nói.

Phần thứ mười sáu nói về tai họa lỗi lầm, thắng lợi.

Năm tai họa lỗi lầm. Luận sư Cảnh nói:

“1/ Khởi ngã kiến.

2/ Khởi kiến mé trước.

3/ Khởi kiến mé sau.

4/ Khởi kiến mé trước sau.

5/ Với kiến mạnh mẽ, nhạy bén, chấp chặc có hữu, thủ, có sợ hãi



không nhập Niết-bàn”.

Pháp sư Khuy Cơ nói; Một ngã kiến là gốc. Nhân ngã kiến này mà khởi lên ba mé đoạn, thường và tà kiến là ba. Tùy đối tượng thích hợp trong sáu mươi hai kiến, “duyên” nơi ba mé, khởi kiến đoạn, thường và tà kiến. Lỗi thứ năm, tức đối với kiến này, chấp thủ vững chắc, nhạy bén, mạnh mẽ là hơn. Sợ hãi Niết-bàn hiện tại không được, tức là kiến thủ. Hoặc là năm tà kiến nói về Niết-bàn hiện.

Năm tai họa lỗi lầm này, nghĩa là khởi bốn kiến, chỉ trừ giới thủ.

Phần thứ mười bảy. Môn giả, thật: chín thật, ba giả, nghĩa là ba môn sau. Thành Duy thức nói: “Vì sáu chi đã thấm nhuần hợp thành hữu, tức phần vị ba tướng của năm thức, v.v..., gọi là riêng là sinh, v.v... Phẩm dưới gọi là ái; phẩm trên gọi là thủ, cho nên, đều là thật.

Phần mười tám nói về một sự, nhiều sự. Năm sự: Thành Duy-Thức nói: “Nghĩa là năm thứ vô minh, thức, xúc, thọ.

Thứ mười chín. Nhân của sở tri chướng. Nghĩa là một:

Trước, nói hoặc, nghiệp, khổ gồm sáu mươi hai chi và phiền não chướng xong.

Luận Phật Địa nói: “Nếu một trăm hai mươi tám phiền não, v.v..., hoặc nghiệp đã phát; nếu quả đã được, đều là phiền não chướng, nên ở đây không luận, chỉ luận sở tri chướng, nghĩa là vô minh. Vô minh là nhân vô ký tuệ của pháp chấp, nên gọi là nhân sở tri chướng, làm nhân cho vô minh phiền não chướng.”

Duy-Thức nói: “Sở tri chướng kia, thật sự dùng vô minh phiền não chướng này làm chủ thể nương tựa.”

Nay, nói vô minh phát nghiệp, vì mê lý tăng, vì sở tri chướng kia đều cùng có, nên là nhân của tri chướng, cũng không trái nhau. Lại vì do vô minh này phát nghiệp, chiêu cảm sinh. sở tri chướng sau sau, sẽ xoay vần sinh thêm. Vô minh là gốc, nên nói riêng làm nhân.

Thứ hai mươi. Khổ và nhân khổ. Năm khổ năng sinh. Nghĩa là vô minh, hành, ái, thủ, hữu. Năm khổ trong thai tạng, nghĩa là hạt giống như thức, v.v... Thể của khổ thức là sinh và già chết.

Thứ hai mươi mốt. Phần lẫn lộn của nhân quả. Nghĩa là chi khác được nói là phần hỗn tạp, nghĩa là Thọ. Dưới đây sẽ giải thích về tướng lẫn lộn:

Có hai thứ thọ gọi là phần lẫn lộn:

1/ Pháp sau, lấy xúc làm duyên, nhân thọ. Nghĩa là hạt giống của thọ lấy hạt giống của xúc làm nhân. Đối với quả của mé sau, là nhân thọ kia.

2/ Hiện pháp của ái làm duyên cho quả thọ. Nghĩa là báo hiện khởi, thọ làm “duyên” sinh ái, vì là quả của nhà mẹ trước, nên gọi là quả thọ. Cho nên, đây là một phần nhân quả của thọ lẫn lộn.

Hỏi: năm chi như thức, v.v... đều chung cả nhân quả, vì sao lại nói riêng nhân quả của thọ lẫn lộn, gọi là phần xen lẫn ư?”

Giải thích rằng: “Năm chi như thức, v.v... đối với vị lai kia, vì chỉ lấy hạt giống, nên chỉ nói về phần nhân của bốn chi trước, từ thọ sinh ái, phần nhiều là nhân quả thọ hiện khởi mà sinh, cho nên nói chung nhân quả trong thọ.

Thứ hai mươi hai. Hai quả của thể cảnh. Nghĩa là sáu chi trước, chủ thể sinh quả, v.v... trước: cảnh giới ái, phi ái, nghĩa là cảnh thuận cảnh trái. Thọ duyên cảnh này, gọi là quả. Do cảnh giới ái, phi ái là sở duyên duyên, sinh ra thọ “năng duyên”, cho nên thọ gọi là quả. Nghĩa là vì sáu chi trước. Nghĩa là hành làm nhân cho thọ. Vô minh, chủ thể phát ra nhân. Thức danh sắc, sáu xứ và thọ là nương tựa. Xúc năng sinh ra thọ, vì tùy đối tượng thích hợp với xúc kia, nên nói là “năng sinh”(chủ thể sinh).

Ái, thủ kia có ba chủ thể thắm nhuần (năng nhuần), đối tượng thắm nhuần (sở nhuần) là nhân, hay sinh quả tự thể của năm đường. Chỉ một chi thọ, hay sinh ra hai quả. Nghĩa là hạt giống hiện thọ đã bị thắm nhuần rồi, có thể sinh thọ hiện hành, gọi là sinh quả trước. Hành đã dẫn phát hạt giống sinh tự thể vị lai, gọi là sinh quả sau. Hoặc tự loại của sát na trước, sau, gọi là sinh quả đầu tiên. Đối với hạt giống chưa thắm nhuần, làm dẫn nhân xa, sinh ra sinh của đời vị lai và già chết, gọi là sinh quả sau.

Thứ hai mươi ba. Trong hai thọ đều có hành (câu hành), Duy-Thức nói: “Mười lạc xả câu. Vì thọ không tương ứng chung với thọ. Trong phần vị già chết, phần nhiều không có lạc, và khách xả. Mười một khổ câu, không phải vì thọ đều có (thọ câu). Vì già chết phần nhiều khổ, nên nói mười một.

Thể của hạt giống kia dựa vào phần vị tương lai đều cùng có, như chi hữu, v.v... Hạt giống và hạt giống đều cùng có, đều như lý tư duy. Câu, nghĩa là câu hữu, (đều cùng có).

Thứ hai mươi bốn. Trong môn ba khổ. Duy thức chép: “Phần ít của mười một thuộc về hoại khổ. Trong phần vị già chết, phần nhiều không có lạc thọ. Vì chỉ dựa vào niềm vui để lập hư hoại, cho nên không nói.

Trong đây cho rằng, không phải thọ đều có một phần kia của chi hành. Nghĩa là đều có với lạc thọ. Vì dựa vào lạc để lập hư hoại, nên

nói một phần.

Phần ít của mười hai, thuộc về khổ khổ. Trong tất cả chi vì có khổ thọ, vì dựa vào khổ thọ lập khổ khổ nên nói một phần. Toàn phần của mười hai, thuộc về hành khổ, vì các pháp hữu lậu đều là hành khổ. Dựa vào xả thọ mà nói, phần ít của mười một, trừ chi già chết, bất khổ bất lạc, thọ trước kia đều có với hành, chỉ có mười. Nay thêm vào chi “phi thọ câu”, nên nói một phần mười một, nghĩa thật như trước đã nói.

Trong các thánh giáo như thế, tùy theo tướng của thọ kia tăng mà nói không nhất định.

Hai văn của kinh Duyên Khởi, kinh Thập Địa có khác nhau, vì e nhiều, nên không nói lại.

Thứ hai mươi lăm. Nhiều ít của chi đủ: Luận sư Thái nói: “Y cứ theo văn luận này, mạng chung, thọ sinh lên cõi trời vô tướng không có sáu thức thân.”

Nay, giải thích: “Văn này nói đều là chi sắc, ở vào thời gian lâu dài, không phải cho rằng tất cả phần vị đều hoàn toàn không có sáu thức.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đây là dựa vào sáu thức mà nói đều là chi sắc, chuyển biến theo môn Tát-bà-đa lý, chẳng phải thật lý. Vì tông kia cũng nói “Vì thù miên chẳng phải không có tâm, Cõi Vô Sắc cũng thế. Dựa vào nghĩa chân thật, các chi ở cõi có sắc đều hoàn toàn, chỉ trừ hiện sắc trong cõi Vô Sắc. Cho nên ở quyển trước đã nói: “ở cõi Vô Sắc, thức dựa vào hạt giống sắc.”

Thứ hai mươi sáu. Dựa vào chi, lia chi. Nghĩa là dựa vào chi của địa trên, lia chi của địa dưới. Ở đây chỉ một phần chi. Duy-Thức nói: “Chi hành của địa trên năng khuất phục địa dưới, tức sáu thức hành tướng của khổ, v.v... thô, vì có cầu sinh lên địa trên, nên khởi chi hành kia. Chỉ địa trên mới khởi, chẳng phải địa khác. Cũng không phải vì hoàn toàn hành, nên nói một phần.

Thứ hai mươi bảy Nhiễm, bất nhiễm: Duy-Thức nói: “Vô minh, ái, thủ chỉ có bất thiện, hữu ký, vô ký. Ba nhiễm này tức bốn tạp nhiễm mà môn thứ tư ở trước đã nói. Nay, nói ba, nghĩa là ở đây là thật, ở trước giả, vì nghĩa khác nhau. Trong không nhiễm kia, chung cả thiện và vô phú, vô ký.”

Duy-Thức nói: “Hành chỉ có thiện, ác; hữu, có cả thiện, ác, vô phú, vô ký. Vì cũng khởi thiện, nhiễm trong bảy phần vị, nên gọi là chung cả hai vô ký thật này vì dựa vào năm sẽ sinh, nên không có lỗi.

Thứ hai mươi tám. Trong ba cõi hệ. Cõi Dục một phần đồng của

tất cả cõi trên: Duy-Thức nói: “Dù đều chung cả ba cõi mà có phần, có toàn phần. Cõi Dục có hai tánh, ba tánh, vô minh, hành, ái, thủ, có một nghiệp, bảy quả. Cõi trên chỉ một tánh. Vô minh, hành, ái, thu, một nghiệp, bảy quả, cho nên nói một phần.

Thứ hai mươi chín. Là hành ba học, tất cả đều chỉ có phi học, phi vô học đồng. Ở đây, cho là sau khi nhập thánh, mới thành Học. Các địa vị phàm phu vì đều là phi học, nên quyển chín ở trước nói là Nghiệp học, nghĩa là hoặc phàm phu; hoặc không phải phàm phu đã có nghiệp thiện trong học nối tiếp nhau.”

Đối-Pháp quyển tư chép: “Người cầu giải thoát đã có pháp lành là nghĩa hữu học.” Trong đây, dựa vào chứng học vượt hơn, cũng không trái nhau.”

Duy-Thức nói: “Nghiệp thiện mà bậc Thánh khởi, chứng tỏ là vì “duyên”, vì trái với chi hữu, nên không phải thuộc chi hữu. Do đó nên biết rằng, là bậc thánh tất nhiên không tạo nghiệp cảm hữu ở sau, vì đối với quả khổ đời sau, không có mê cầu, tu tịnh lự xen lẫn, vì giúp đỡ địa dưới, nên nghiệp sinh Tịnh cư, v.v... Về lý không trái; tức chứng tỏ rằng, phàm phu thuận giải thoát phần, thuận quyết trạch phần, có khả năng chiêu cảm quả, đều thuộc về chi Hữu.”

Kinh Duyên Khởi quyển hạ chép: “Bốn thứ vô minh của phàm phu thuộc pháp ngoại đạo là duyên sinh phước, phi phước và bất động hạnh. Phàm phu của pháp nội đạo, nếu là người buông lung, người đó chỉ trừ một thứ vô minh Bất cộng, còn vô minh khác, sẽ dẫn phát buông lung làm duyên sinh ra hành. Ngược lại, nếu phàm phu của pháp nội đạo không buông lung, siêng năng tu học và bậc thánh hữu học, thì ba thứ vô minh dẫn phát vọng niệm là duyên của phi phước. Nhưng duyên này không thể chiêu cảm ba đường ác.”

Chính vì thế, nên nói phi phước này, ta không nói là vô minh “duyên” hành.”

Ý nói là phàm phu không buông lung và bậc thánh phi phước, chỉ chiêu cảm quả Di-thục của người trời, không chiêu cảm quả Di-thục chung ở cõi ác. Vì đã chẳng phải chi hành, nên không nói là phi phước này lấy chi vô minh làm duyên.

Kinh ấy lại nói: “Đối với vô minh bất cộng, phàm phu của pháp nội dù người không buông lung mà tu học, cũng chưa dứt, các bậc thánh hữu học, nên biết đã dứt trừ hẳn. Lại phàm phu pháp nội không buông lung, nếu tạo phước hạnh và bất động hạnh, người đó đã tác ý đúng như lý của chánh pháp, tương ứng với tâm thiện, mà dẫn phát giải thoát,

vì được dựa vào hồi hướng giải thoát mà dẫn phát. Dù cảm thù thắng sinh về cõi thiện, mà không phải khởi duyên tăng thượng của vô minh. Nhưng hay tác động dứt trừ duyên tăng thượng kia. Việc này cho thấy rõ ràng phàm phu kiến đạo trở xuống dù do ba vô minh và hạt giống bất cộng phát phước bất động, cảm quả Di-thục chung của cõi người trời, vẫn không làm duyên khởi vượt hơn cho vô minh, vì rốt ráo diệt, không phải bị dẫn phát trực tiếp bởi ba vô minh, v.v... Do hạt giống kia tồn tại, hoặc vì trái với chủ thể phát. Cũng không ngăn vô minh “duyên” phước, bất động hạnh, chỉ ngăn ngừa phi phước kia vì lấy vô minh làm duyên, nên kinh Duyên Khởi kia chỉ nói bậc Thánh hữu học vì đã dứt hẳn vô minh Bất cộng, nên không tạo nghiệp mới, không nói phàm phu, vì đã không khởi vô minh bất cộng, nên không tạo nghiệp mới. Pháp thiện cõi Dục kia, với chi hữu lậu thiện của thân phàm phu sau, vì rơi vào lưu chuyển, nên đã chẳng phải Học, vì thế năng cảm thuộc về chi duyên khởi sinh.”

Thứ ba mươi Chi bốn quả đoạn: Duy-Thức chép: “Có nghĩa vô minh, chỉ do kiến dứt trừ, chủ yếu là mê đế lý vì năng phát hành. Bậc Thánh tất nhiên vì không tạo nghiệp của hữu sau, nên với hai chi ái, thủ, chỉ do tu dứt trừ, vì tham cầu hữu đương lai mà thối nhuần sinh. Với chín thứ mạng chung, tâm đều cùng sinh, vì ái đều có. Chín thứ khác đều chung cho kiến, tu dứt trừ. Đây là nói tất cả Dự-lưu dứt trừ, nghĩa là nói theo phần nhiều, chứ không phải chi ái, thủ cũng do kiến dứt trừ. Sự này nói: “Vì thủ, tức là tăng thượng ái, nên chỉ tu dứt trừ.”

Có nghĩa: Là “tất cả đều chung cho cả hai dứt trừ, cho đến nói rộng ra, ba chi vô minh, ái, thủ cũng chung cho cả kiến tu dứt trừ. Nhưng chi vô minh chính là hành phát, chỉ do kiến dứt trừ. Giúp đỡ bất định. Hai chi ái, thủ chính là do nhuần sinh, thì chỉ tu dứt trừ, giúp đỡ bất định.

Lại, tự tánh của pháp nhiễm ô nên dứt trừ, hai nghĩa của pháp không phải nhiễm ô, nói là dứt trừ:

1. Vì lìa ràng buộc.
2. Vì bất sinh.

Nói là mười hai chi chung cả hai dứt trừ, như thích hợp nên biết. Đây là nói tất cả đi suốt qua mười hai chi. Nói một phần, nghĩa là nếu dựa vào tự tánh dứt trừ phiền não và nghiệp của ba đường ác. Và, nếu dựa vào bất sinh và các quả, v.v... kia, nói là Dự-lưu dứt trừ, thì gọi là một phần. Người chứng quả Bất-Hoàn đã dứt trừ tất cả bất định của sắc, Vô Sắc cõi Dục. Luận sư Cảnh bổ khuyết: “Người chứa quả Bất-

Hoàn vì không khởi hiện trong cõi Dục, nên biết rằng, bậc thánh cũng có tương ứng, với vô minh phát phước, v.v... của ba thứ hiện triển, tùy miên.

Chi hữu, vô minh, không được dứt riêng khổ, vì mười nhân không có. Hai quả ở hai cõi trên hoặc “Có” trước, sau thường khởi. Mười nhân của nhiều địa, như người thượng lưu, v.v... Hoặc “hữu” chỉ khởi mười nhân của một địa, như ba thứ Bất-Hoàn hành, vô hành, v.v... Hoặc “hữu” hoàn toàn không có, như hiện Bát Niết-bàn, v.v... Người A-la-hán, sinh của ba cõi hết, tất cả đều không, chỉ có báo thừa của hiện thân, là quả của mé trước tùy thuộc vào thế lực của nhân hết, nhậm vận (tự nhiên) tự diệt.

Nên, kể là văn dưới nói: “Hạt giống văn của năm thứ như thức, v.v... gọi là mầm khổ; ái, thủ, hữu, gọi là dưỡng nuôi mầm khổ; sinh, già, chết gọi là cây khổ”, không đồng với thuyết của Tiểu thừa nói: “Bảy chi trước là duyên khởi trước; năm chi sau là duyên khởi sau.”

Bà-sa chép: “mười hai chi duyên như cây có gốc, có thể, có hoa, có quả. Vô minh hành là gốc; năm chi như thức, v.v... là thể; ái, thủ, hữu là hoa; sinh, già, chết là quả. mười hai chi này hoặc có hoa, có quả, nghĩa là người học phàm phu; hoặc không có hoa, không có quả, nghĩa là A-la-hán.

Từ trên đến đây, phần thứ chín, phân biệt duyên xong. Phần thứ mười, gồm có mười tám môn trong các kinh:

1/ Sáu thứ ngôn thuyết theo thứ lớp thuận, nghịch. Nghĩa là hữu lậu, vô lậu đều có thuận nghịch.

Một phần đủ phần. Nghĩa là như kinh Niết-bàn chép: “Hoặc vì chúng sinh nói một nhân duyên, đều gọi là tất cả pháp hữu vi, cho đến hoặc nói mười một, như vì Tát-già-Ni-kiền-tử nói một pháp trừ sinh. Hoặc có lúc nói có đủ mười hai nhân duyên, như vì ngài Ca-diếp, v.v..., nói đủ ở thành Vương xá. Đây là một phần, đủ phần.

Nay, ở đây nói, nghĩa là phẩm Quán-Hắc, ngang thức, thối lui trở lại, chỉ quán mười chi. Hoặc danh sắc nhập thai, chỉ quán chín chi, gọi là một phần chi. Nếu quán phẩm bạch thì mười hai, và quán diệt đủ thì mười hai và Tu-diệt, Đạo kia, gọi là chi phần đủ, tức một phần này gọi là phẩm Hắc. Vì quán khổ, Tập, tức phần đủ này gọi là phẩm bạch. Vì quán Diệt, Đạo, tức là tạp nhiễm, thanh tịnh, đó là vì quán tâm, nên ở đây không nói.

2/ Do mười thứ tướng, phải biết rằng, nghĩa duyên khởi rất sâu. Nghĩa là về nghĩa vô ngã vô thường có sáu. Nghĩa khổ thứ bảy; nghĩa

không thứ tám; nghĩa vô ngã thứ chín.

Dựa vào Thắng nghĩa đế, tự tánh các pháp dù không thể nói, mà nói tự tánh của các pháp có thể nói, là thứ mười. Chín thứ trước dựa vào thế tục đế an lập môn sai khác; một thứ sau là thắng nghĩa đế, miễn cưỡng giả đặt môn ngôn thuyết.

Nghĩa vô thường có sáu:

1. Dù sức tự chủng mạnh hơn, cũng phải chờ đợi duyên khác, chứ không phải tự ngã tác động.

2. Dù sức duyên khác vượt hơn, cũng phải đợi hạt giống của mình, chứ không phải do Phạm Vương, v.v... tạo tác.

3. Dù hạt giống và duyên sinh, mà chủng và duyên lại không có tác dụng đối với sự sinh này, cũng không có vận chuyển, chẳng phải như Thắng luận: cho rằng, “ngã” có thể tạo tác do pháp và phi pháp trong đức, cú và nghiệp, cú, nghĩa giúp cho có dụng thật, khiến pháp quả vận chuyển. Cũng không phải như Tát-bà-đa cho có tác dụng thật, làm cho pháp quả được chuyển biến.

Nay, không có chủ thể tạo tác, cũng không có tác dụng của nghiệp, thì dù cho quả sinh sau, mà vẫn không thật vận chuyển, cho nên “song phi”

4. Có công năng sinh “phi” là chẳng phải không có nhân.

5. Sát-na, sát-na mới, mới sinh khởi, không phải như Số Luận chuyển biến quả “hữu”.

6. Nhưng, giống như dừng trụ, tướng vận động biểu hiện, không phải như một kỳ hạn sinh, diệt của chánh lượng bộ, v.v...

Dựa vào nghĩa khổ. Nghĩa là tánh của các pháp hữu lậu thường là một vị hành khổ không có khác nhau, dường như khi có khổ, có vui, v.v... Thật ra không có vui, không có khổ, vì gián đoạn, v.v...

Dựa vào nghĩa không. Nghĩa là tánh của nhân là “ngã tác” của Thắng luận; tánh quả là ngã thọ các khổ của Số Luận, nhưng dường như không là.

Dựa vào nghĩa vô ngã, tướng “ngã là thể, không” là dụng của “ngã”, là hai khác nhau.

Kinh Duyên Khởi quyển hạ nói: “Rằng, là tánh thật ngã đối với khổ đế, gọi là “không”, nghĩa là tánh tướng phi ngã đối với khổ đế gọi là vô ngã”.

Đối-Pháp quyển sáu cũng đồng với kinh, vì đối tượng so sánh có khác, nên không trái nhau. Lại, nghĩa không này là tác thọ. Thể của “ngã” không có nghĩa của “ngã”. Thể của pháp không phải tướng của



“ngã”, cũng đồng với kinh kia.

Ở đây nói không có tướng của “ngã”. Nói không có vì “Chẳng phải”. Dựa vào thắng nghĩa đế, tự tánh của duyên khởi không thể nói năng. Nay, vì nói duyên khởi, nên thành thứ mười.

Dựa vào luận Đối-Pháp có năm thứ rất sâu, nghĩa là nhân rất sâu, v.v..., không đồng với luận này.

Kinh Duyên Khởi quyển hạ chép: Mười lăm thứ rất sâu: Năm thứ đầu đồng với đối pháp, mười thứ sau hơi khác nhau. Như kinh, luận kia nói: “Ba pháp trụ trí là văn tuệ; trí chân thật là tư, tu. Phạm phu như học mà quán nghĩa sâu. Hoặc pháp trụ trí là văn tuệ của phạm phu; trí chân thật của bậc Thánh là ba tuệ. Hoặc pháp trụ trí là trí thân của phạm phu. Trí Chân thật là trí thân của bậc Thánh, vì pháp trụ giáo, v.v..., vì như thật nghĩa mà biết, là hai khác nhau.

Bốn trụ nghĩa là lấy văn cú không điên đảo, để nói pháp tánh này. Câu văn của chủ thể biện luận gọi là Pháp trụ. Vì cho nên pháp trụ này, lấy pháp tánh làm nhân. Cho nên, pháp tánh này gọi là pháp giới; giới là nghĩa nhân”, hoặc lấy ý văn và kinh Bát-nhã, v.v... nói về chân như kia, gọi là pháp trụ chẳng hạn. Đối tượng được giảng nói rộng từ giáo, gọi là pháp trụ, vì thể của pháp trụ phải có pháp tánh mới làm giáo y, lấy thể làm nhân; lấy nghĩa gọi là giới.

Năm sinh nếu không có. Nghĩa là hạt giống sinh ra năm chi như thức, v.v... Không có xứ, không có trụ mà sinh, có thể là “hữu”. Nghĩa là hiện hành sinh.

Sáu hỏi: “Từ trên đến đây, phân biệt trong mười hai chi. Mười chi hữu còn lại, không phải lại làm “duyên” lẫn nhau. Vì sao lập riêng danh sắc với thức làm duyên lẫn nhau?”

Đáp: “Vì thức dùng danh sắc làm duyên ở trong hiện pháp, nghĩa là ở phần vị sinh, vì thức đã mượn danh sắc để khởi, nên dùng làm “duyên”. Hơn nữa trong pháp sau, vì dùng thức làm “duyên”, nên danh sắc sinh ở đương lai, tất nhiên phải dựa vào thức khởi. Đây là nói đương lai, hiện tại làm duyên lẫn nhau, ảnh hưởng danh sắc hiện tại nương tựa thức khởi. Thức đương lai khởi, cũng dựa vào danh sắc.”

“Vì sao trở xuống”, là cố tự gạn giải thích lại làm duyên lẫn nhau:

Bảy phẩm quán Hắc chỉ ngang đến chi Thức. Nghĩa là hai Đế khổ, tập, gọi là phẩm hắc. Hai đế Diệt, Đạo gọi là phẩm Bạch. Vì phẩm hoàn diệt, thức kia với danh sắc làm duyên lẫn nhau. Quán tâm đến thức thì bỏ, trở lại quán đến già chết, nên gọi là chuyển hoàn. (sự chuyển trở lại



đó, như quyển chín mươi ba và quyển trước đã giải thích)

Danh sắc trong phẩm hoàn diệt không phải là nhân tố hoàn diệt của thức, vì không do danh sắc diệt, chi thức cũng diệt, chỉ do thức diệt thì danh sắc sẽ phải diệt. Nên khi quán đến thức không trở lại, lại tiến đến quán về hành, cho đến vô minh: Vì vô minh diệt, nên hành diệt theo. Cho nên 44 trí, 77 trí quán kia được thành lập. Vô minh về trước, không có chi nhân, nên cũng không nói bốn mươi bốn trí, v.v...”

Tỳ-bà-sa quyển 40 chép: “Bồ-tát thêm ác, khởi phần tác, chỉ quán đến thức, vì phần ái, lạc đã vắng lặng, nên quán đủ mười hai chi.

Tám sinh, vì chẳng phải có, nghĩa là chẳng phải tự tác, tha tác. Nếu có tự ngã, tác tha, tác Đại-phạm, v.v... thì tức là vì lẽ có sinh, vì duyên có không có tác dụng, nghĩa là không phải đều có tác.

Vì sức duyên mà sinh: Nghĩa là cũng chẳng phải không có nhân sinh.”

Luận Đối-Pháp chép: “Các pháp không tự sinh; cũng không từ tha sinh; cũng không từ “Cộng sinh”; chẳng phải không từ cả hai sinh.”

Dù không có tác dụng duyên, mà có công năng “duyên”, có thể được, chẳng phải tự sinh, phá ngã tác. Chẳng phải tha sinh, là bác bỏ nhân bất bình đẳng sinh của trời Đại-tự-tại, v.v.... Chẳng phải cộng sinh là nhằm phá nghĩa tác dụng của phái Tát-bà-đa, v.v... Không phải không có nhân (vô nhân) sinh, nghĩa là bác bỏ vô nhân luận, họ nói rằng: “Nếu lý duyên khởi chẳng phải tự, chẳng phải tha, loại trừ cả hai quan điểm, cũng là rất sâu sắc rồi, hướng chi (phủ nhận) mất cả bốn quan điểm. Cho nên, “duyên khởi”, thật sâu sắc vô cùng!”

Trung luận chép: “Các pháp không tự sinh, cũng không từ tha sinh, không cộng sinh, chẳng phải không có nhân.”

Luận Đối-Pháp kia giải thích: “Vì tự tánh là không, nên không tự sinh; vì “duyên tánh là không, nên chẳng phải cái khác sinh (tha sinh). Vì tự, tha là không, nên không cộng sinh.

- Nếu pháp có tự thể thể thì nói là có nhân, vô nhân. Pháp tánh đã không, đâu được nói là có “Có nhân”, không nhân.”

Ba câu trước, phá có nhân duyên; câu thứ tư ở sau, phá không có nhân duyên.

Chín “Hữu” là đối tượng giữ gìn, nuôi nấng khổ, v.v... Nghĩa là vì nghiệp có công năng nuôi nấng.

Mười chi “hữu”, như thuốc cao. Nghĩa là nếu nói nghiệp “hữu”.

Mười một tăng thêm có hai nghĩa:

1) Tăng thêm khổ ở đương lai.

2) tăng ở chi sau.

Diệt có hai nghĩa trái với ở đây, là nói tất cả chi hữu thuận là đấng khổ lớn, vì là quả sau. Nghĩa là đấng khổ lớn sinh già, chết.

Mười hai, Bảy chi trước gọi là pháp có nhân; năm chi còn lại gọi là khổ có nhân, nghĩa là chủ thể dẫn (năng dẫn) đối tượng dẫn (sở dẫn), đều là nhân dẫn. Sinh già, chết gọi là khổ có nhân, vì có nhân trước. Ba ái, thủ, hữu gắn gủi hai nhân này. Tương theo gọi là khổ, vì pháp của nhân có trước.

Luận Đối-Pháp chép: “Ở vào thời gian nhân, có chủ thể dẫn, đối tượng dẫn; đối với thời điểm quả, có chủ thể sinh (năng sinh), đối tượng sinh (sở sinh); thành thực, thay đổi gọi là quả, cho nên ái thủ, hữu cũng đặt tên quả. Quả sắp thành thực, thay đổi, chủ thể sinh kia mới khởi. Sinh, già, chết ở đây cũng như thế.

Mười ba ba chi lậu tận đã rõ ràng. Nghĩa là vô minh, ái, thủ là pháp hữu lậu. Cho nên, dứt trừ phần vị tận này, gọi là lậu tận rõ ràng, tức do diệt ba duyên này, chi còn lại cũng tận. Cho nên, nói duyên tận đã rõ ràng.

Do phiền não xúc diệt, nên tất cả thọ diệt. Vì thế, chỉ một chi thọ gọi là thọ tận đã được rõ ràng.

Mười bốn trong bảy mươi bảy trí. Luận sư Cảnh giải thích: “Vì phân biệt rõ trí tạp nhiễm của nhân hữu. Nghĩa là nói trường hợp “duyên sinh, hữu, già, chết.” Lại nữa, vì nói về tự nối tiếp nhau, chính mình đã tạo nên trí tạp nhiễm. Nghĩa là vì bày tỏ tự thân, tự mình đã tác động sinh làm duyên cho hữu, già chết, tức là trường hợp chẳng phải không duyên sinh hữu, già, chết.

Lại nữa, vì biểu thị rõ ràng về các chi của mé trước đã có từ vô thỉ.

Trong đây, nói chung, “duyên” sinh quá khứ có già chết, chứ chẳng phải hai quan điểm: Không duyên sinh quá khứ, có già, chết.

Lại, vì chứng tỏ các chi của mé sau ngang đồng (đẳng) nghĩa là nói chung hai trường hợp vị lai. Lại nữa, vì chỉ bày rõ không thuộc về chi, v.v...

Vì chỉ rõ biết khắp cả thượng trung hạ của ba đời quả trụ trong nhân, gọi là pháp trụ trí.”

Cơ -Pháp sư giải thích: Đáp “Văn có ba:

1. Đáp chung, lập sở do của trí.
2. Hiện bày riêng sở do của các trí.
3. Kết thành số.

Vì hiển bày rõ về trí tạp nhiễm của nhân hữu. Đây là đáp chung. Nghĩa là quán các chi có pháp của nhân kia: như già, chết lấy sinh làm nhân, cho đến chi hành lấy vô minh làm nhân. Vô minh lại không có nhân đó, cho nên thành bảy mươi bảy duyên. Trí đã khởi lên thành sự tạp nhiễm này, gọi là trí tạp nhiễm. Hoặc trí “năng duyên”(chủ thể duyên) tức là tạp nhiễm.

Lại nữa, vì hiển bày rõ chữ “Đẳng”: Có bốn chữ lại (hựu):

Chữ “lại”đầu, là nói “duyên”hiện tại có hai trí, nghĩa là “duyên”sinh hiện tại mà có già, chết. Chẳng phải không duyên theo sanh hiện tại mà có già chết. Tự thân hiện tại, vì tự mình làm.

Chữ “lại”thứ hai, nói về “duyên”già, chết quá khứ có hai trí, nghĩa là “duyên”sinh quá khứ, mà có già chết, chẳng phải không duyên sinh quá khứ mà có già, chết.

Quán về mé trước, từ vô thỉ đến nay, già, chết đều lấy sinh làm “duyên”.

Chữ “lại”thứ ba, nhân phân biệt rõ về duyên già, chết ở vị lai, có hai trí. Nghĩa là “duyên”sinh vị lai mà có già chết, chẳng phải không duyên sinh vị lai mà có già, chết. Dù vị lai chưa khởi chấp nhận có nghĩa tạp nhiễm, hoặchiệt.

Nay, vì quán tạp nhiễm, nên thành hai trí, trí đầu tiên trong ba tế này, quán quả có nhân nhằm nói lên nguyên do kia. Trí thứ hai này quán quả có nhân, chẳng phải không quyết định, đả phá chấp giả dối của ngoại đạo, chẳng phải bất bình đẳng, không có nhân mà sinh.

Chữ “lại”thứ tư, là nói quán chi là pháp không gồm thâu. Vì nghĩa biết khắp của các tuệ hữu lậu, tức pháp trụ trí biết khắp giáo pháp duyên khởi của ba đời, gọi là không thuộc về chi, để làm trí thứ bảy.

Sáu trí chân thật trước, hợp với trí pháp trụ nhất chân thật thành bảy trí.

- Nếu dựa vào nghĩa này, thì trong thân bậc Thánh cũng có pháp trụ trí; trong thân phàm phu cũng có chân thật trí, đều khởi bảy trí quán. Ngoài ra mười chi trước cũng thế cho nên thành bảy mươi bảy trí.”

Pháp sư Khuy Cơ đã phân tích văn, phối hợp giải thích, rất đồng với Luận sư Bị.

Pháp sư Thối lại giải thích: “Trí biết khắp thứ bảy duyên khởi không thuộc về chi hữu, bởi vì trí hữu lậu chấp pháp có tự thể, nên gọi là trí pháp trụ.”

Hỏi: “Đã nói sinh “duyên” “Có” già chết, v.v..., vì sao lại nói “Chẳng phải không sinh “duyên”có, già chết, v.v... ư?”

Đáp: “Luận có hai thứ:

1) Lập tông mình.

2) Ngăn tông người khác. Nếu chỉ nói sinh “duyên” già chết, v.v..., thì đôi khi có người sinh nghi vì khởi sự nói bàn, nên nói như thế, về lý, chưa hẳn là như vậy.

Để giải quyết sự nghi ngờ của họ, nên nói lý này là nhất định. Cho nên lại nói: “Chẳng phải không “duyên” sinh, có, già chết, v.v...”

Mười lăm bốn mươi bốn trí. Trong mười một chi, mỗi chi đều lập bốn trí, trừ chi vô minh, vì không từ chi khởi.

Hỏi: “Bảy mươi bảy trí có khác nhau gì với 44 trí?”

Đáp: “Y theo tướng chung, thì ba thừa đồng khởi. Nếu theo ở tướng riêng, thì đều là thanh văn quán. Người độn căn trong Thanh văn quán, khởi 44 trí, quán quả do nhân, vì quán dễ thành. Người lợi căn khởi 77 trí, quán nhân sinh ra quả, vì quán khó thành.

Lại, tập thiện thứ hai trong bảy xứ thiện thuộc 77 trí và ba nghĩa quán. 44 trí có ở khắp bốn xứ thiện. Vì không có pháp trụ, nên chẳng phải là ba nghĩa quán.

Môn hai trí này là chung cho cả hậu trí, mà chính đáng là pháp quán gia-hạnh, vì là phương tiện đạo mới sinh.

Mười sáu nói về thức khởi chung riêng. Nếu sinh cõi Sắc, Vô Sắc, trừ tất cả hiện tiền như người ở cõi Dục. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Môn tùy thuận lý này ở hai cõi trên, không khởi tất cả các thứ của địa dưới. Như ở cõi Dục, khởi giống nhau với ý thức trên, tất cả không có ngăn ngại, đọc dài về đạo nghĩa của thế văn cũng thông suốt. Về môn chân thật lý. Trừ thức có riêng ở địa dưới trong hai cõi trên, ý thức của ba cõi khác đều được hiện tiền, vì nhuần thấm sinh khởi.

Đã thừa nhận hai định trở lên, khởi ba thức thân của Sơ thiên, cũng nên thừa nhận Bồ-tát ở trong cõi Sắc khởi tỷ, thiệt, thức của cõi Dục.

Từ đây trở xuống, phần văn chính thứ hai, nói về việc dứt ba tạp nhiễm, tu sáu hiện quán (giải thích rộng như Quyết trạch, và Duy-Thức quyển 9; Đối-Pháp quyển 13 luận Hiển-Dương quyển mười sáu

